

**CÔNG TY TNHH
CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN**
Số: 22.004/JSI-CBTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Ngày 30 tháng 03 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK**

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia**

Công ty: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN**

Mã chứng khoán:

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 14, tòa nhà TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 84-24 3791 1818

Fax: 84-24 3791 5808

Người thực hiện công bố thông tin: **Lê Thị Hồng Thúy**

Địa chỉ: Tầng 14, tòa nhà TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0986.692.882

Fax: 84-24 3791 5808

Loại thông tin công bố: ☐ 24 giờ ☐ 72 giờ ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu ☒ định kỳ

Nội dung thông tin công bố (*):

Công ty TNHH Chứng khoán Nhật Bản CBTT: Báo cáo thường niên năm 2021.

Thông tin này đã được đăng trên website của công ty tại địa chỉ: <http://japan-sec.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

Báo cáo thường niên 2021

Người được ủy quyền công bố thông tin



Lê Thị Hồng Thúy

Phó phòng hành chính nhân sự



CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN
JAPAN SECURITIES CO., LTD.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021

MỤC LỤC

THÔNG điệp từ CHỦ TỊCH CÔNG TY	3
THÔNG TIN CHUNG	5
1. Thông tin khái quát.....	5
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	7
3. Định hướng phát triển	7
4. Các rủi ro	11
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021	16
5. Tình hình hoạt động kinh doanh.....	16
6. Tình hình tài chính	18
7. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	22
8. Tình hình đầu tư và thực hiện dự án.....	23
9. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội	23
QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	26
10. Cơ cấu sở hữu, thay đổi vốn chủ sở hữu.....	26
11. Mô hình quản trị và bộ máy quản lý	27
12. Tổ chức và nhân sự	29
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN	34
13. Về quản trị công ty.....	34
14. Về thị trường	35
15. Về hệ thống công nghệ thông tin	35
16. Về dịch vụ chứng khoán	36
17. Về nhân sự	37
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	39
18. Ý kiến kiểm toán	39
19. Báo cáo tài chính được kiểm toán.....	39

THÔNGIỆP TỪ CHỦ TỊCH CÔNG TY

Kính thưa Quý vị,



Ông Tsuyoshi Imai – Chủ tịch
Công ty TNHH Chứng khoán Nhật Bản

Năm 2021 là một năm đầy biến động khi nhân loại phải vật lộn với đại dịch COVID-19 và nền kinh tế toàn cầu bị sụt giảm nghiêm trọng, một diễn biến tất yếu khi các quốc gia thực hiện chính sách đóng cửa khiến toàn thế giới suy sụp.

Tất cả các sự kiện trên, chắc chắn, sẽ gia tăng sự lo ngại của chúng ta về tương lai.

Tôi xin gửi lời cảm thông và chia sẻ chân thành nhất đến những người không may đã mắc phải căn bệnh COVID-19.

Với tư cách là đại diện pháp luật của Công ty TNHH Chứng khoán Nhật Bản, tôi rất vinh dự được gửi thông điệp này tới Quý vị.

Chúng tôi đã hết sức nỗ lực và hoàn thành mục tiêu bù đắp hết số lỗ lũy kế các năm qua. Tôi xin dành một tràng pháo tay nồng nhiệt nhất thay lời cảm ơn tới toàn thể cán bộ nhân viên JSI.

JSI đã chứng kiến nhiều đổi thay trong suốt thập kỷ qua. Đáng chú ý nhất, từ ngày chính thức trở thành công ty con của Công ty Chứng khoán Aizawa (*hiện nay đã đổi tên thành Tập đoàn Chứng khoán Aizawa*) vào tháng 06 năm 2018, chúng tôi đã nỗ lực không ngừng nghỉ để xây dựng một JSI hoàn toàn mới, vững mạnh hơn.

Tập đoàn Chứng khoán Aizawa là một công ty tại Nhật Bản tập trung kinh doanh chủ yếu tại khu vực châu Á, đặc biệt là Việt Nam. Theo đó, JSI không ngừng mở rộng, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ để đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế khi làm việc với các tổ chức nước ngoài.



Chủ tịch Tập đoàn Chứng khoán Aizawa Takuya Aizawa trong khuôn khổ cuộc hội kiến tại Nhật Bản giữa Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Phạm Minh Chính và Chủ tịch Thượng viện Nhật Bản Santo Akiko

Vượt qua mọi khó khăn, chúng tôi sẽ tiếp tục có những bước tiến dài vì lợi ích cao nhất của khách hàng, phấn đấu để đáp ứng sự kỳ vọng của Chủ sở hữu.

Chúng tôi không ngại thử thách khi có mặt tại đây, đất nước Việt Nam tươi đẹp, phát triển bền vững và cũng đang đối mặt với nhiều thử thách mới.

Lời cuối, tôi xin chúc các Quý vị và gia đình sức khỏe dồi dào, bình an và thịnh vượng, đồng thời xin nhấn mạnh tới Quý vị rằng JSI sẽ không ngừng tiến về phía trước.

Chúng tôi mong rằng JSI sẽ mãi nhận được sự hỗ trợ và ủng hộ từ Quý vị.



Tập thể nhân viên JSI

Kính thư,

TSUYOSHI IMAI

Chủ tịch công ty

Công ty TNHH Chứng khoán Nhật Bản

THÔNG TIN CHUNG

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

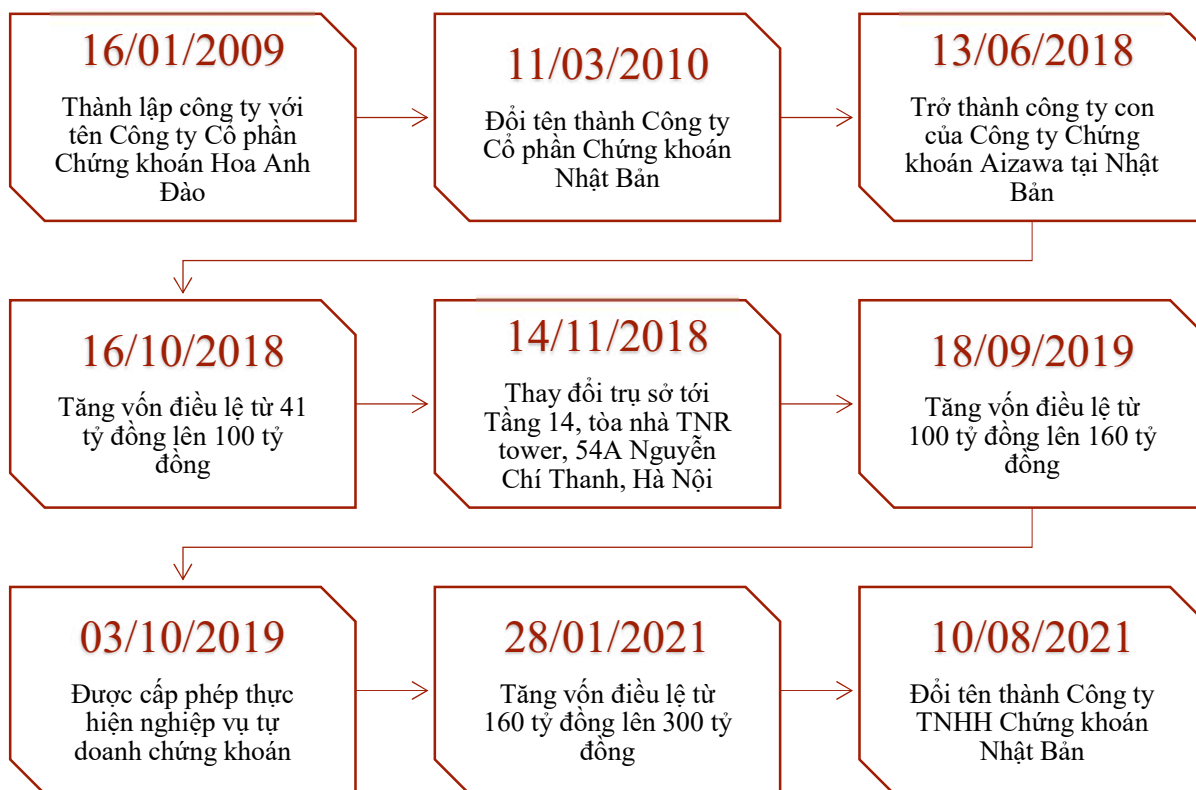
1.1 Giới thiệu công ty

- Tên giao dịch: **CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN**
- Tên viết tắt: JSI
- Giấy phép thành lập và hoạt động lần đầu số 103/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 16/01/2009
- Giấy phép thành lập và hoạt động hiện tại số 129/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 10/08/2021
- Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 108/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 03/12/2021
- Vốn điều lệ: 300.000.000.000 VND (*Ba trăm tỷ Việt Nam đồng./.*)
- Vốn chủ sở hữu: 316.394.854.206 VND (*Ba trăm mười sáu tỷ, ba trăm chín mươi tư triệu, tám trăm năm mươi tư nghìn, hai trăm linh sáu Việt Nam đồng./.*)
- Địa chỉ: Tầng 14, tòa nhà TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh, P. Láng Thượng, Q. Đống Đa, Hà Nội
- Số điện thoại: +84.24.3791 1818
- Số fax: +84.24.3791 5808
- Website: <https://www.japan-sec.vn/>
- Email: info@japan-sec.vn

1.2 Thông tin về Chủ sở hữu công ty

- Tên công ty: Tập đoàn Chứng khoán Aizawa (*Aizawa Securities Group Co., Ltd.*)
- Giấy phép thành lập và hoạt động ban đầu số 00199-01-036574 cấp ngày 03/10/1933 tại Nhật Bản
- Giấy phép thành lập và hoạt động hiện tại số 0100-01-036574 cấp ngày 01/10/2021 tại Nhật Bản
- Địa chỉ: 1-9-1, Higashi-Shimbashi, Minato-ku, Tokyo, 105-7307, Japan
- Website: <https://www.aizawa.co.jp/>
- Điện thoại: +81.3.3272 3127

1.3 Quá trình hình thành và phát triển



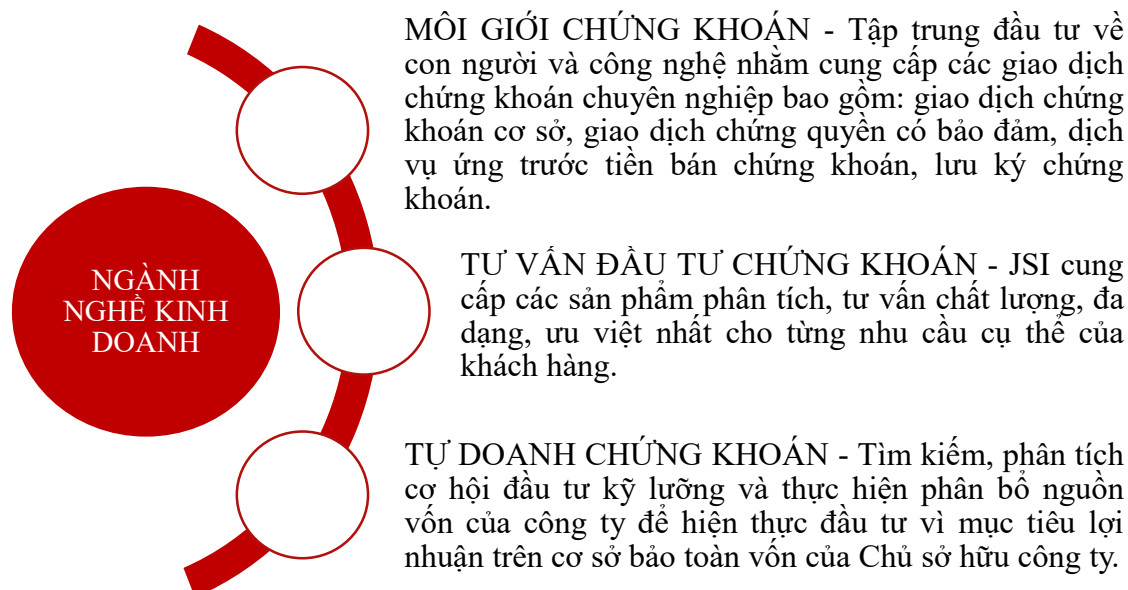
Trong năm 2021, JSI thực hiện tổ chức lại, chuyển đổi hình thức pháp lý từ công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu. Ngày 10/08/2021, Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lại giấy phép thành lập và hoạt động số 129/GP-UBCK, theo đó:

- Công ty đổi tên thành: Công ty TNHH Chứng khoán Nhật Bản (*giữ nguyên tên viết tắt JSI*);
- Chủ sở hữu: Công ty Chứng khoán Aizawa có trụ sở tại Nhật Bản;
- Người đại diện trước pháp luật: Ông Tsuyoshi Imai do Chủ sở hữu bổ nhiệm, kiêm nhiệm vị trí Chủ tịch công ty và Tổng giám đốc.

Ngày 01/10/2021, Chủ sở hữu của JSI là Công ty Chứng khoán Aizawa (*Aizawa Securities Co., Ltd.*) đã đổi tên thành Tập đoàn Chứng khoán Aizawa (*Aizawa Securities Group Co., Ltd.*). Theo đó, ngày 03/12/2021, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam ban hành giấy phép điều chỉnh số 108/GPĐC-UBCK xác nhận Công ty TNHH Chứng khoán Nhật Bản trở thành công ty con thuộc 100% sở hữu của Tập đoàn Chứng khoán Aizawa.

2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

2.1 Ngành nghề kinh doanh



2.2 Địa bàn kinh doanh

Với sự hỗ trợ mạnh mẽ của công nghệ cùng sự linh hoạt trong chính sách chăm sóc khách hàng, công ty chủ trương không giới hạn phạm vi cung cấp dịch vụ. Tuy nhiên, dựa trên kinh nghiệm và kỹ năng cũng như hiểu biết về thói quen, nhu cầu đầu tư của các khách hàng, công ty tập trung nguồn lực phát triển các khách hàng tại:

- Thị trường quốc tế: Nhật Bản và các nước Châu Á khác.
- Thị trường nội địa: Hà Nội và các tỉnh lân cận.

3. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

3.1 Mục tiêu của công ty

Triết lý cơ bản của công ty là luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của cộng đồng, của khách hàng cũng như toàn thể nhân viên. Việc tuân thủ những nguyên tắc này đảm bảo không những mang lại lợi ích cho bản thân công ty, mà còn cho khách hàng cùng các bên có liên quan, đóng góp vào sự ổn định kinh tế của quốc gia.



JSI mong muốn sẽ là cầu nối giữa thị trường chứng khoán Việt Nam với các nhà đầu tư nước ngoài trên nền tảng đôi bên cùng có lợi. Một mặt, nhà đầu tư sẽ được tiếp cận với các cơ hội đầu tư đầy hấp dẫn của thị trường chứng khoán Việt Nam tiềm năng đang phát triển; trong khi đó, thị trường chứng khoán Việt Nam còn non trẻ sẽ trưởng thành bền vững hơn nhờ nguồn vốn chuyên nghiệp và bài bản từ nước ngoài.

JSI định hướng trở thành công ty chứng khoán uy tín, là kênh giao dịch tin cậy và thuận tiện dành cho các khách hàng tổ chức nước ngoài khi tham gia thị trường chứng khoán Việt Nam. Trên nền tảng hệ thống công nghệ thông tin hiện đại và tiệm cận các tiêu chuẩn quốc tế, cùng việc cung cấp các dịch vụ chuyên biệt dành cho các khách hàng tổ chức, đội ngũ nhân sự đảm bảo năng lực chuyên môn và ngoại ngữ, JSI cam kết trở thành đối tác hàng đầu của các nhà đầu tư tài chính quốc tế chuyên nghiệp.

3.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn



3.3 Các mục tiêu phát triển bền vững

Liên Hợp Quốc và Chính phủ Việt Nam đã đề ra 17 mục tiêu phát triển bền vững nhằm giải quyết những thách thức mà người dân Việt Nam nói riêng và trên thế giới nói chung phải đối mặt. Cụ thể:



Với tư cách là một công ty chứng khoán, JSI cũng đóng góp một phần sức lực nhỏ bé để tham gia cùng với Chính phủ thực hiện các mục tiêu trên thông qua những hoạt động sau:

- Đối với nhóm mục tiêu đầu tư vào con người: *Các mục tiêu 1-2-3-4-5-6*
 - JSI đảm bảo cơ chế lương, từ đó đảm bảo đời sống người lao động, góp phần xóa đói giảm nghèo chung cho toàn xã hội
 - Người lao động được trao quyền tự do cải thiện, phát triển và phát huy đầy đủ năng lực bản thân và nâng cao hiệu suất lao động
 - Công ty cũng cung cấp chính sách chăm sóc sức khỏe toàn diện, định kỳ, hiệu quả, phù hợp với yêu cầu pháp lý và tình hình thực tiễn của xã hội
- Đối với nhóm mục tiêu đảm bảo khả năng thích ứng với khí hậu và môi trường bền vững: *Các mục tiêu 2-5-6-7-9-11-12-13-14-15*

- JSI tìm kiếm các cơ hội đầu tư vào các cổ phiếu xanh và trái phiếu xã hội, từ đó, đóng góp một phần vào việc tạo ra một nền kinh tế bền vững, đáp ứng các nhu cầu hiện tại mà không ảnh hưởng đến nhu cầu tương lai
 - Công ty tích cực tham gia các hoạt động xã hội và bảo vệ môi trường, đóng góp vào các quỹ phù hợp, đồng hành cùng Nhà nước và Chính phủ Việt Nam trong cuộc chiến chống lại dịch bệnh.
- Đối với nhóm mục tiêu thịnh vượng và hợp tác: *Các mục tiêu 5-8-10-12-17*
- JSI đảm bảo các tiêu chí về bình đẳng, tuyệt đối không sử dụng các tiêu chí về giới tính, quốc tịch, tuổi tác, sắc tộc, tôn giáo, màu da... khi tiến hành các hoạt động bổ nhiệm/miễn nhiệm/kỷ luật, xem xét đánh giá lương thưởng, các chương trình đào tạo và phát triển nhân sự...
 - Công ty áp dụng mô hình tăng trưởng toàn diện và bền vững, trao cơ hội công bằng cho tất cả các nhân sự nhưng vẫn đảm bảo tính hiệu quả trong công việc.
- Đối với nhóm mục tiêu thúc đẩy công lý, hòa bình và quản trị toàn diện: *Các mục tiêu 5-10-16*
- JSI xây dựng một môi trường làm việc hiệu quả, trách nhiệm và minh bạch ở tất cả các cấp, đảm bảo sự tham gia toàn diện của toàn bộ nhân sự.
 - Công ty tăng cường quản trị và áp dụng các quy trình - quy định - quy chế nội bộ một cách chặt chẽ nhằm đảm bảo tuân thủ yêu cầu của pháp luật trong quá trình hoạt động.
 - Công ty đưa các chính sách về phòng chống quấy rối/xâm hại tình dục trong công sở vào nội quy, bao gồm trách nhiệm của tất cả các cấp từ lãnh đạo tới nhân viên, xây dựng được chế tài xử phạt hiệu quả, hợp lý, và đã được Sở lao động thương binh và xã hội thành phố Hà Nội chấp thuận thông qua.

4. CÁC RỦI RO

4.1 Xây dựng chính sách rủi ro

Cơ sở xây dựng chính sách rủi ro dựa trên các yếu tố sau:

- Chiến lược hoạt động của công ty;
- Khả năng chấp nhận rủi ro của công ty;
- Sự hiểu biết các công cụ tài chính chịu rủi ro tại công ty;
- Mức độ chuyên nghiệp về quản trị rủi ro của đội ngũ thừa hành;

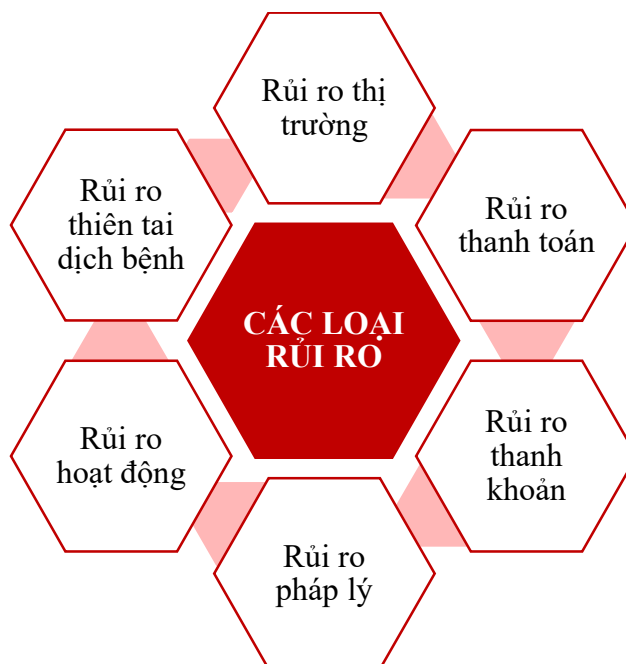
- Tham khảo các hoạt động quản trị rủi ro trong quá khứ và hiện hành trên thị trường;
- Tuân thủ và vận dụng quy định pháp lý về Quản trị rủi ro.

Quản lý rủi ro bao gồm nhưng không giới hạn bởi các công việc sau:

- Xác định được bản chất của rủi ro và mức độ rủi ro mà JSI chấp nhận được.
- Đo lường, đánh giá rủi ro, cập nhật các rủi ro có thể phát sinh;
- Kiểm soát, ghi nhận và xử lý rủi ro;
- Lập các báo cáo về rủi ro gửi đến Chủ tịch công ty, Ban giám đốc và các phòng/ban/bộ phận nghiệp vụ liên quan.

4.2 Các loại rủi ro

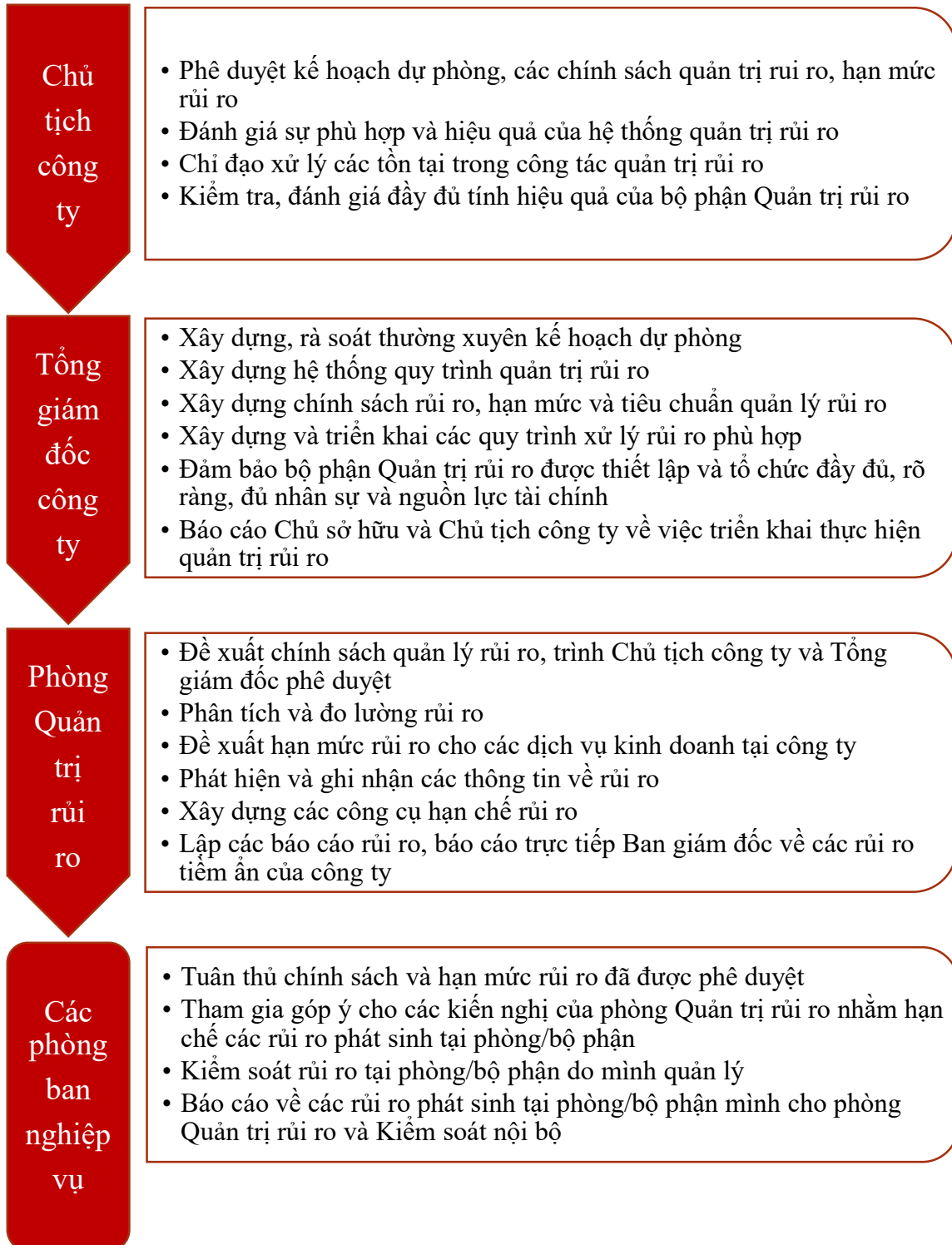
Các rủi ro liên quan đến công ty và có thể ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh cũng như việc thực hiện các mục tiêu của công ty bao gồm:



Loại rủi ro	Mô tả rủi ro	Hình thức kiểm soát rủi ro
Rủi ro thị trường	- Là rủi ro làm thay đổi các giá trị tài sản đang sở hữu theo chiều hướng bất lợi. - Xảy ra khi thị trường biến động bất lợi làm ảnh hưởng đến việc sử dụng nguồn tiền cho hoạt động kinh doanh của công ty, ảnh hưởng tới danh mục đầu tư của hoạt động tự doanh.	- Các phòng ban nghiệp vụ trong công ty có trách nhiệm phối hợp theo dõi biến động về giá cả chứng khoán, lãi suất trái phiếu, xu hướng thị trường; báo cáo cho Ban lãnh đạo nhằm đưa ra các giải pháp hợp lý, kịp thời.
Rủi ro thanh toán	- Là rủi ro khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết.	- Quản lý các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát. - Do đặc thù hoạt động cho vay ứng trước tiền bán dựa trên tài sản đảm bảo là tiền bán chờ về của khách hàng dưới sự quản lý chặt chẽ của hệ thống phần mềm, công ty hầu như không gặp rủi ro hoặc xác suất rủi ro là rất thấp cho hoạt động này.
Rủi ro pháp lý	- Là rủi ro phát sinh từ việc không tuân thủ các quy định pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh và từ việc hủy bỏ hợp đồng do hợp đồng bất hợp pháp, vượt quá quyền hạn, thiếu sót các điều khoản hoặc chưa hoàn thiện các tiêu chuẩn hoặc do các nguyên nhân khác.	- Thường xuyên cập nhật những văn bản pháp luật mới nhất liên quan đến lĩnh vực chứng khoán và các lĩnh vực liên quan. - Tiến hành các chương trình kiểm soát nội bộ để giám sát và báo cáo về tính tuân thủ hoặc các vấn đề khác, thường xuyên rà soát, sửa đổi và ban hành các quy định, quy trình làm việc. - Tham vấn pháp luật của công ty với các đơn vị cung cấp dịch vụ pháp lý hoặc các công ty cung cấp dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp.

Loại rủi ro	Mô tả rủi ro	Hình thức kiểm soát rủi ro
Rủi ro thanh khoản	- Là rủi ro xảy ra khi công ty không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc không thể chuyển đổi các công cụ tài chính thành tiền mặt với giá trị hợp lý trong ngắn hạn do thiếu hụt thanh khoản trong thị trường.	- Duy trì tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn ở các ngân hàng và các khoản tương đương tiền ở mức độ hợp lý để giảm thiểu ảnh hưởng do sự thay đổi luồng tiền. - Quản lý tách bạch tiền gửi của nhà đầu tư và nguồn tiền của công ty.
Rủi ro hoạt động	- Là rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật, hệ thống, quy trình nghiệp vụ, con người phát sinh trong quá trình tác nghiệp và cung cấp dịch vụ, phát sinh do lỗi trong hệ thống công nghệ thông tin hoặc sơ xuất trong vận hành kinh doanh gây thiệt hại...	- Ban hành các quy trình làm việc cụ thể nhằm đảm bảo mọi thao tác đều được thực hiện trên nguyên tắc kiểm tra chéo lẫn nhau. - Tổ chức các khóa đào tạo và hỗ trợ nhân viên tham dự các khóa học chuyên môn để nâng cao kiến thức về nghiệp vụ và pháp luật. - Thực hiện trích lập Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ từ nguồn lãi của các năm trước để lại.
Rủi ro thiên tai dịch bệnh	- Là các rủi ro xảy ra do thiên tai, dịch bệnh gây ra làm ảnh hưởng đến việc hoạt động liên tục của công ty.	- Xây dựng phương án dự phòng cho các tình huống khẩn cấp như thiên tai, dịch bệnh...nhằm đảm bảo cho hoạt động liên tục của công ty. - Ban hành các chính sách để áp dụng kịp thời khi xảy ra thiên tai, dịch bệnh như quy trình làm việc từ xa, chính sách bảo vệ tài sản và bảo mật thông tin... - Tập huấn, đào tạo, hướng dẫn nhân sự để ứng phó với các tình huống khi xảy ra thiên tai, dịch bệnh.

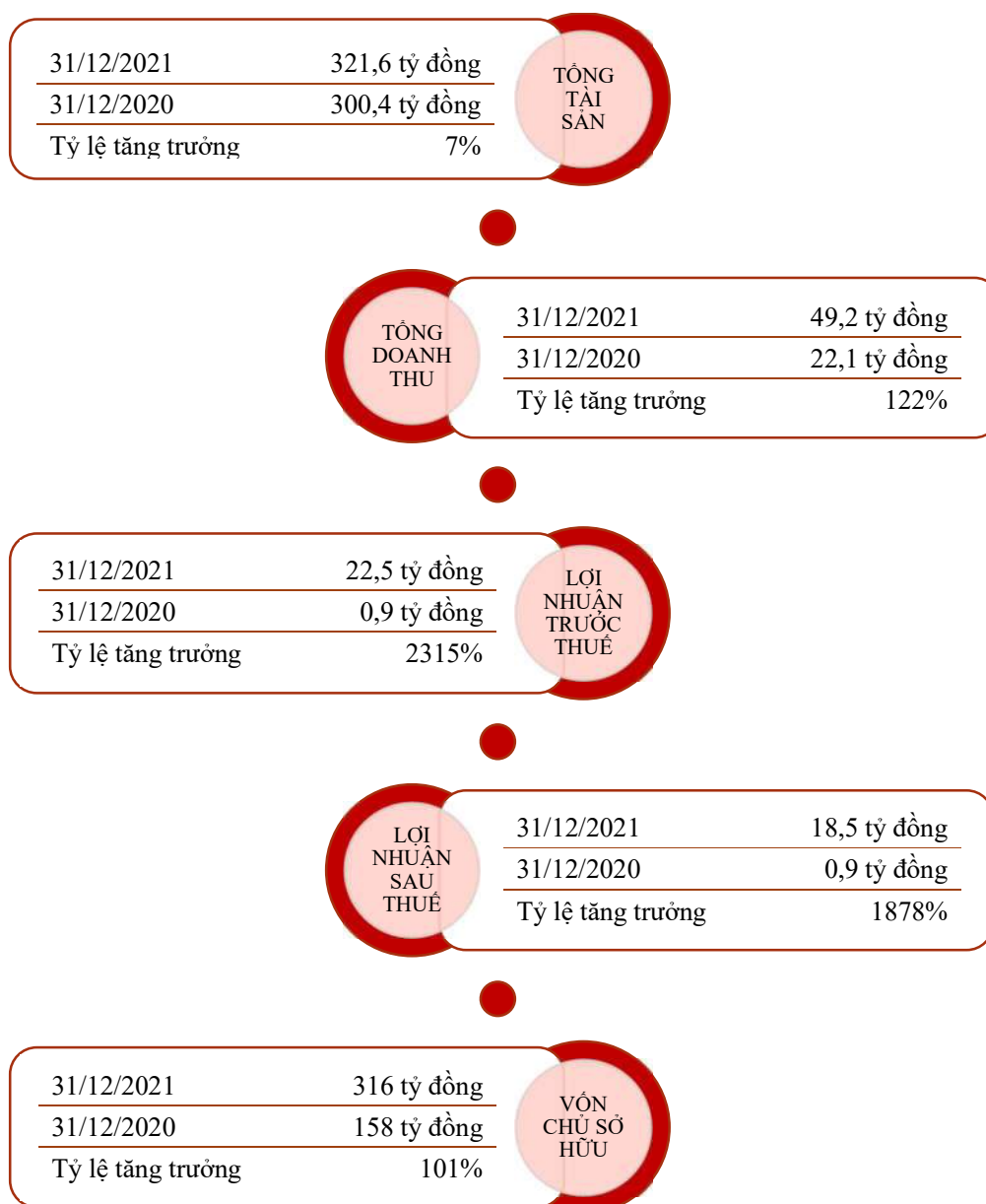
4.3 Phân quyền trong quản trị rủi ro



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

5. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Điểm nhấn 2021



5.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Năm 2021, JSI ghi nhận kết quả kinh doanh ấn tượng với doanh thu đạt 49,2 tỷ đồng, tăng 122% so với năm 2020. Lợi nhuận trước thuế đạt 22,5 tỷ đồng, tăng 2315% so với cùng kỳ.

Liên tục thua lỗ trong 4 năm từ 2014 đến 2017, tổng số lỗ lũy kế cao nhất của JSI vào cuối năm 2017 lên đến gần 11 tỷ đồng. Từ năm 2018, công ty bắt đầu có lãi và dần bù đắp số lỗ để lại từ các năm trước. Tính đến hết năm 2020, số lỗ lũy kế còn lại là 2,7 tỷ đồng. Năm 2021, trước tình hình dịch Covid còn phức tạp và đem lại những ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam nói riêng và thế giới nói chung, Ban giám đốc công ty hiểu rằng phía trước còn quá nhiều khó khăn và trở ngại, nên ngay từ đầu năm, JSI chỉ đặt ra những mục tiêu tương đối thận trọng, triển khai chậm nghiệp vụ tự doanh để thăm dò thị trường, và xây dựng kế hoạch phân đầu xóa số lỗ lũy kế nói trên còn lại từ các năm trước ở mức 2,7 tỷ đồng.

Thị trường chứng khoán Việt Nam 2021 liên tục xô đổ các mức đỉnh lịch sử đã lập trước đó để leo lên các mốc cao mới. Động lực chính của thị trường tiếp tục là dòng tiền mạnh mẽ từ các nhà đầu tư cá nhân trong nước với số lượng tài khoản mở mới kỷ lục. Tính đến hết năm 2021, số lượng tài khoản chứng khoán cá nhân đã đạt mức hơn 4,3 triệu tài khoản, tăng 1,5 triệu tài khoản chỉ trong vòng 1 năm. Kéo theo đó là mức tăng thanh khoản đột biến so với năm 2020 với giá trị giao dịch bình quân 25.960 tỷ đồng/phiên. Điều này càng được ủng hộ thêm bởi tâm lý thị trường tích cực và niềm tin của các nhà đầu tư về triển vọng của nền kinh tế và mặt bằng lãi suất thấp khiến kênh gửi tiết kiệm trở nên kém hấp dẫn. Mặc dù hứng chịu ảnh hưởng nặng nề từ đại dịch Covid-19 vào quý 3 năm 2021, Việt Nam vẫn đạt mức tăng trưởng GDP 2,58%; trong khi đó, VN-Index tăng gần 36% và nằm trong top những thị trường sinh lời cao nhất thế giới.

Trước những diễn biến tích cực của thị trường chứng khoán, JSI đã ghi nhận những kết quả vượt bậc so với năm 2020. Không những xóa được số lỗ lũy kế theo kế hoạch đề ra từ đầu năm, công ty còn ghi nhận mức lợi nhuận trước thuế đạt đỉnh lịch sử từ khi thành lập. Kết thúc năm 2021, JSI ghi nhận:

- Doanh thu đạt 49,2 tỷ đồng, tăng 122% so với cùng kỳ 2020.
- Tổng tài sản đạt 321,6 tỷ đồng, tăng 7% so với cùng kỳ 2020.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 22,5 tỷ đồng, tăng 2315% so với cùng kỳ 2020.
- Lợi nhuận sau thuế đạt 18,5 tỷ đồng, tăng 1878% so với cùng kỳ 2020.

5.3 Những tiến bộ công ty đã đạt được

Năm 2021, do diễn biến dịch Covid phức tạp, Việt Nam nói chung và Hà Nội nói riêng đã có những khoảng thời gian khá dài duy trì chính sách giãn cách xã hội tương đối chặt chẽ. Điều này đã khiến cho JSI chưa thực hiện được một số kế hoạch công ty đã xây dựng từ đầu năm, chủ yếu liên quan đến việc củng cố, nâng cấp và phát triển hệ thống công nghệ thông tin. Một số kế hoạch đầu tư hệ thống, công ty phải dời lại sang năm 2022.

Mặc dù năm 2021 thị trường có nhiều biến động do ảnh hưởng của các thông tin liên quan đến dịch bệnh Covid-19 cũng như các biến động của thị trường vĩ mô, nhưng với mục tiêu đa dạng hóa nguồn doanh thu, công ty đã thận trọng triển khai nghiệp vụ tự doanh bằng việc giải ngân vốn vào các chứng chỉ quỹ mở. Đối tượng mà công ty lựa chọn đầu tư là các quỹ mở có quy mô lớn, có uy tín, có kết quả hoạt động kinh doanh ổn định và phát triển bền vững qua các năm. Bên cạnh đó, công ty cũng phân tích, đánh giá danh mục đầu tư của các quỹ mở này nhằm chọn ra các quỹ có danh mục đầu tư phù hợp với khẩu vị rủi ro của công ty, vừa tận dụng được lợi thế tăng trưởng của thị trường chứng khoán, vừa phòng ngừa được rủi ro trong trường hợp có biến động.

Các báo cáo phân tích trên nền tảng Bloomberg đã thu hút khách hàng nước ngoài, xây dựng tên tuổi và uy tín của công ty trên trường quốc tế. Công ty cũng tiếp tục xây dựng mối quan hệ mật thiết với các khách hàng hiện có với tần suất trao đổi, chia sẻ thông tin ngày càng nhiều. Các sản phẩm báo cáo mới của công ty cũng nhận được phản hồi tích cực từ cả nhà đầu tư cá nhân lẫn nhà đầu tư tổ chức.

6. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

- Doanh thu và lợi nhuận của JSI đều tăng mạnh trong năm 2021, xóa toàn bộ lỗ lũy kế của các năm trước để lại và bắt đầu ghi nhận lãi.
- Các khoản nợ ngắn hạn giảm đáng kể giúp các chỉ tiêu về khả năng thanh toán và cơ cấu vốn của JSI được cải thiện.
- Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động và khả năng sinh lời của JSI đều thay đổi theo chiều hướng tích cực.
- Vốn điều lệ của công ty được tăng gần gấp đôi lên 300,000,000,000 kể từ tháng 1/2021.

6.1 Kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị: Việt Nam đồng

Chỉ tiêu	2020	2021	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	300,408,627,056	321,684,891,168	7.08%
Doanh thu thuần	22,101,725,557	49,120,015,701	122.25%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-2,223,829,173	14,387,722,917	
Lợi nhuận khác	3,158,026,273	8,169,147,440	158.68%
Lợi nhuận trước thuế	934,197,100	22,556,870,357	2314.57%
Lợi nhuận sau thuế	934,197,100	18,482,119,666	1878.40%

6.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	2020	2021
1. Quy mô vốn		
Vốn điều lệ (VND)	160,000,000,000	300,000,000,000
Tổng tài sản có (VND)	300,408,627,056	321,684,891,168
Tỷ lệ an toàn vốn (%)	503.19	733.94
2. Kết quả hoạt động kinh doanh		
Doanh số huy động tiền gửi (VND)	8,638,977,362	12,292,713,700
Doanh số cho vay (VND)	38,437,197	135,999,911
3. Khả năng thanh khoản		
Khả năng thanh toán ngay (lần)	1.36	32.15
Khả năng thanh toán chung (lần)	2.11	60.81

Đơn vị: Lân

Chỉ tiêu	2020	2021
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn: <u>Tài sản ngắn hạn</u> Nợ ngắn hạn	1.36	32.15
Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	1.36	32.15
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
<u>Hệ số nợ</u> Tổng tài sản	0.47	0.02
<u>Hệ số nợ</u> Vốn chủ sở hữu	0.90	0.02
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay tổng tài sản: <u>Doanh thu thuần</u> Tổng tài sản bình quân	0.10	0.16
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
<u>Lợi nhuận sau thuế</u> Doanh thu thuần	0.04	0.38
<u>Lợi nhuận sau thuế</u> Vốn chủ sở hữu	0.01	0.06
<u>Lợi nhuận sau thuế</u> Tổng tài sản	0.003	0.06
<u>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</u> Doanh thu thuần	-0.10	0.29

6.3 Tình hình tài sản

Đơn vị: Việt Nam đồng

Chỉ tiêu	2020		2021		Tăng trưởng (%)
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Tài sản ngắn hạn	193,747,840,826	64.5	160,709,313,571	50.0	-17.1
Tài sản tài chính	192,084,146,450	63.9	159,366,849,927	49.5	-17.0
Tài sản ngắn hạn khác	1,663,694,376	0.6	1,342,463,644	0.4	-19.3
Tài sản dài hạn	106,660,786,230	35.5	160,975,577,597	50.0	50.9
Tài sản tài chính dài hạn	93,000,000,000	31.0	150,000,000,000	46.6	61.3
Tài sản cố định	10,330,765,885	3.4	8,081,509,878	2.5	-21.8
Tài sản dài hạn khác	3,330,020,345	1.1	2,894,067,719	0.9	-13.1
Tổng cộng tài sản	300,408,627,056	100.0	321,684,891,168	100.0	7.1

6.4 Tình hình nợ phải trả

Đơn vị: Việt Nam đồng

Chỉ tiêu	2020		2021		Tăng trưởng (%)
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Nợ ngắn hạn	142,495,892,516	100	4,999,359,739	94.5	-96.5
Phải trả người bán ngắn hạn	314,174,165	0	212,092,251	4.0	-32.5
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	359,572,138	0.25	1,738,716,407	32.9	383.6
Phải trả người lao động	1,390,144,755	0.98	2,444,926,819	46.2	75.9
Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	74,647,800	0.05	85,042,400	1.6	13.9
Chi phí phải trả ngắn hạn	98,455,658	0.07	299,040,527	5.7	203.7
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	140,258,898,000	98.43	219,541,335	4.2	-99.8
Nợ phải trả dài hạn	-	-	290,677,223	5.5	
Tổng cộng nợ phải trả	142,495,892,516	100	5,290,036,962	100	-96.3

7. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Năm 2021, JSI thay đổi hình thức pháp lý thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu. Vẫn với quy mô nhỏ, cơ cấu tổ chức “phẳng” và sản phẩm dịch vụ cơ bản, JSI hướng tới hoạt động nhỏ gọn, ổn định, đồng bộ và hiệu quả.

- Để tối đa năng suất lao động và đáp ứng được yêu cầu của luật định, một vài vị trí trong công ty được kiêm nhiệm bởi nhân sự có trình độ chuyên môn cũng như năng lực cao. Các thành viên Ban giám đốc ngoài việc điều hành chung công việc được giao còn trực tiếp quản lý vận hành các bộ phận chuyên môn.
- Trước tình hình bất ổn của đại dịch Covid-19, trong năm 2021, thành phố Hà Nội đã thực hiện giãn cách xã hội ở mức cao nhất. Theo đó, thời lượng làm việc tại nhà của nhân sự toàn công ty tăng đáng kể so với năm 2020. Với việc xây dựng đầy đủ các kế hoạch dự phòng chi tiết và khả thi nhằm đối phó với dịch ngay từ những ngày đầu, JSI đã nhanh chóng tháo gỡ những vướng mắc trong quá trình vận hành công ty trong thời gian giãn cách. Số lượng nhân sự tại công ty thường xuyên duy trì ở mức tối thiểu nhưng công ty vẫn gặt hái được kết quả tốt, vượt xa kế hoạch đề ra.
- Trước, trong và sau quá trình chuyển giao loại hình doanh nghiệp từ công ty cổ phần sang công ty trách nhiệm hữu hạn, công tác quản trị doanh nghiệp của JSI luôn được đảm bảo và đáp ứng yêu cầu luật định cũng như thực tế. Hệ thống báo cáo nội bộ xây dựng từ trước mặc dù vẫn được duy trì do đáp ứng tốt yêu cầu quản trị và giám sát của ban lãnh đạo công ty nhưng cũng có những điều chỉnh phù hợp theo mô hình mới.
- Bộ Luật lao động số 45/2019/QH14 hiệu lực từ ngày 01/01/2021 có điều chỉnh và bổ sung nhiều nội dung mới. JSI đã nhanh chóng xây dựng và đăng ký lại nội quy lao động với Sở lao động thương binh xã hội thành phố Hà Nội, cùng với đó, công ty có bổ sung các điều khoản cụ thể liên quan đến phòng chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc nhằm đảm bảo một môi trường làm việc văn minh, tuân thủ theo pháp luật, quyền lợi của người lao động – đặc biệt là lao động nữ – được đảm bảo ở mức cao nhất.

8. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Tháng 10/2019, JSI được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép bổ sung nghiệp vụ tự doanh chứng khoán. Mục tiêu của hoạt động này là sử dụng nguồn vốn của công ty để thực hiện đầu tư vì mục tiêu lợi nhuận trên cơ sở thận trọng và bảo toàn vốn của Chủ sở hữu. Năm 2021, JSI chính thức triển khai hoạt động tự doanh bằng cách giải ngân đầu tư vào các chứng chỉ quỹ mở. Tính đến cuối năm 2021, giá trị khoản đầu tư vào các quỹ mở này đã gia tăng đáng kể với tỷ lệ tương đương 2 lần lãi suất gửi tiết kiệm ngân hàng tại cùng thời điểm.

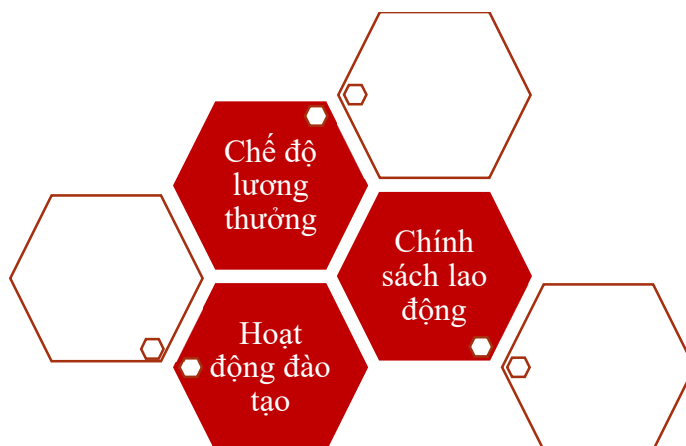
Cùng với việc sử dụng nguồn vốn cho các hoạt động tự doanh và phát triển các dự án mang tính chất bền vững của công ty, số vốn nhàn rỗi được JSI lựa chọn hình thức gửi tiết kiệm định kỳ tại các ngân hàng lớn. JSI luôn chủ động lựa chọn thời điểm và kỳ hạn thích hợp để duy trì lượng tiền gửi hợp lý nhằm tối ưu hóa việc sử dụng nguồn tiền.

9. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

9.1 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Bị xử phạt do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

9.2 Chính sách liên quan đến người lao động



- Số lượng lao động trung bình năm 2021: 22 người/tháng.
- Mức lương trung bình đối với người lao động: 21 triệu đồng/người/tháng.
- Chính sách lao động: Công ty luôn duy trì chính sách lao động cạnh tranh, đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.
 - Chính sách tuyển dụng linh hoạt, hiệu quả, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao; hình thức tuyển dụng (online hoặc offline) linh hoạt tùy theo vị trí và tình hình thực tiễn.
 - Thu nhập bình quân của nhân viên liên tục tăng trưởng qua các năm, chế độ về lương và phụ cấp đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật, phù hợp với năng lực và trình độ của từng người.
 - Chính sách khen thưởng, phúc lợi, đãi ngộ được áp dụng gắn liền với kết quả công việc và hiệu quả hoạt động kinh doanh nhằm tạo động lực làm việc tích cực cho người lao động.
 - Các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được công ty tuân thủ theo đúng quy định pháp luật, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho người lao động.
 - Chú trọng đảm bảo các quyền lợi cơ bản cho người lao động như thực hiện đầy đủ các quy định về an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, tổ chức khám sức khỏe định kỳ...
 - Mọi quyết định liên quan tới người lao động của công ty tuyệt đối không liên quan tới giới tính, tôn giáo hay tuổi tác... JSI thực hiện các chính sách chăm sóc sức khỏe và đảm bảo quyền lợi cho lao động nữ, hơn 50% các vị trí quản lý do lao động nữ đảm nhiệm.
- Hoạt động đào tạo người lao động:
 - Số giờ đào tạo trung bình là 40 giờ/nhân viên/năm.
 - Nội dung đào tạo đa dạng phong phú, bao gồm cả nghiệp vụ chuyên môn, nghiệp vụ chứng khoán và ngoại ngữ, dành cho tất cả nhân sự Việt Nam và nước ngoài, bám sát nhu cầu thực tiễn.
 - Công ty đảm bảo những chính sách hỗ trợ một cách công bằng cho tất cả nhân sự, nhằm thúc đẩy và khuyến khích nhân sự học tập suốt đời, nâng cao kỹ năng và hiểu biết về ngành, tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn.

9.3 Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trách nhiệm đối với cộng đồng của JSI được thể hiện qua triết lý cơ bản của công ty: **LUÔN HÀNH ĐỘNG VÌ LỢI ÍCH TỐT NHẤT CỦA CỘNG ĐỒNG.**

Đối với XÃ HỘI	Đối với NHÀ NƯỚC	Đối với THỊ TRƯỜNG
Công ty tích cực hưởng ứng các hoạt động phát triển cộng đồng, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng. Công ty cam kết luôn nỗ lực cân bằng các hoạt động tạo ra lợi nhuận cho Chủ sở hữu với các hoạt động có lợi ích cho toàn xã hội, đảm bảo đạo đức kinh doanh, đóng góp vào phát triển kinh tế bền vững.	JSI luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật của Nhà nước nói chung và của ngành chứng khoán nói riêng; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về thuế và các khoản phải nộp cho ngân sách Nhà nước.	JSI luôn tích cực và chú trọng vào việc tìm kiếm khách hàng nước ngoài - là những tổ chức tài chính có kinh nghiệm và tiềm lực - đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam, góp phần huy động nguồn vốn từ các thị trường phát triển trên thế giới đến với nền kinh tế nói chung và thị trường tài chính nói riêng của Việt Nam.

Đối với KHÁCH HÀNG	Đối với NGƯỜI LAO ĐỘNG
Công ty hỗ trợ quản lý tài sản của khách hàng thông qua việc cung cấp các sản phẩm thiết yếu với chất lượng cao nhất, đảm bảo đem đến sự hài lòng và tin tưởng cho khách hàng bằng quy trình quản lý minh bạch, an toàn và bảo mật, đạt tiêu chuẩn quốc tế.	JSI cung cấp một môi trường làm việc lành mạnh và hạnh phúc; công ty cũng cam kết về việc hành xử đạo đức và đóng góp cho phát triển kinh tế nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của lực lượng lao động và gia đình của họ, từ đó, tạo ra những ảnh hưởng tích cực đối với cộng đồng địa phương và xã hội nói chung.

9.4 Hoạt động thị trường vốn xanh

Là một công ty chứng khoán, hoạt động trong lĩnh vực tài chính, không sản xuất ra các sản phẩm vật thể, JSI không có những hoạt động ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường. Tuy vậy, công ty luôn ý thức về sự đóng góp dù là nhỏ bé đối với hành tinh xanh. Chính vì thế, công ty khuyến khích nhân sự giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường, ví dụ như tiết kiệm giấy, tiết kiệm năng lượng, sử dụng hợp lý các nguồn lực tài nguyên, và bảo vệ môi trường chung.

Đội ngũ Phân tích Tư vấn của công ty – trong quá trình thực hiện các báo cáo phân tích của mình – luôn đặt cao yếu tố xanh/bền vững làm một chỉ tiêu đánh giá. Bên cạnh những yếu tố thiết yếu như hoạt động kinh doanh và tiềm năng phát triển, JSI cũng đánh giá cao cổ phiếu của những công ty chú trọng đến tác động với môi trường, có các hoạt động tích cực thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng và môi trường. Đây là các nội dung quan trọng mà JSI muốn nhấn mạnh với nhà đầu tư, qua đó thể hiện trách nhiệm của công ty đến các hoạt động xanh của thị trường vốn.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

10. CƠ CẤU SỞ HỮU, THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

10.1 Cơ cấu sở hữu

Chủ sở hữu	Vốn góp	Tỷ lệ sở hữu
Tập đoàn Chứng khoán Aizawa (Aizawa Securities Group Co., Ltd.)	300 tỷ đồng	100%

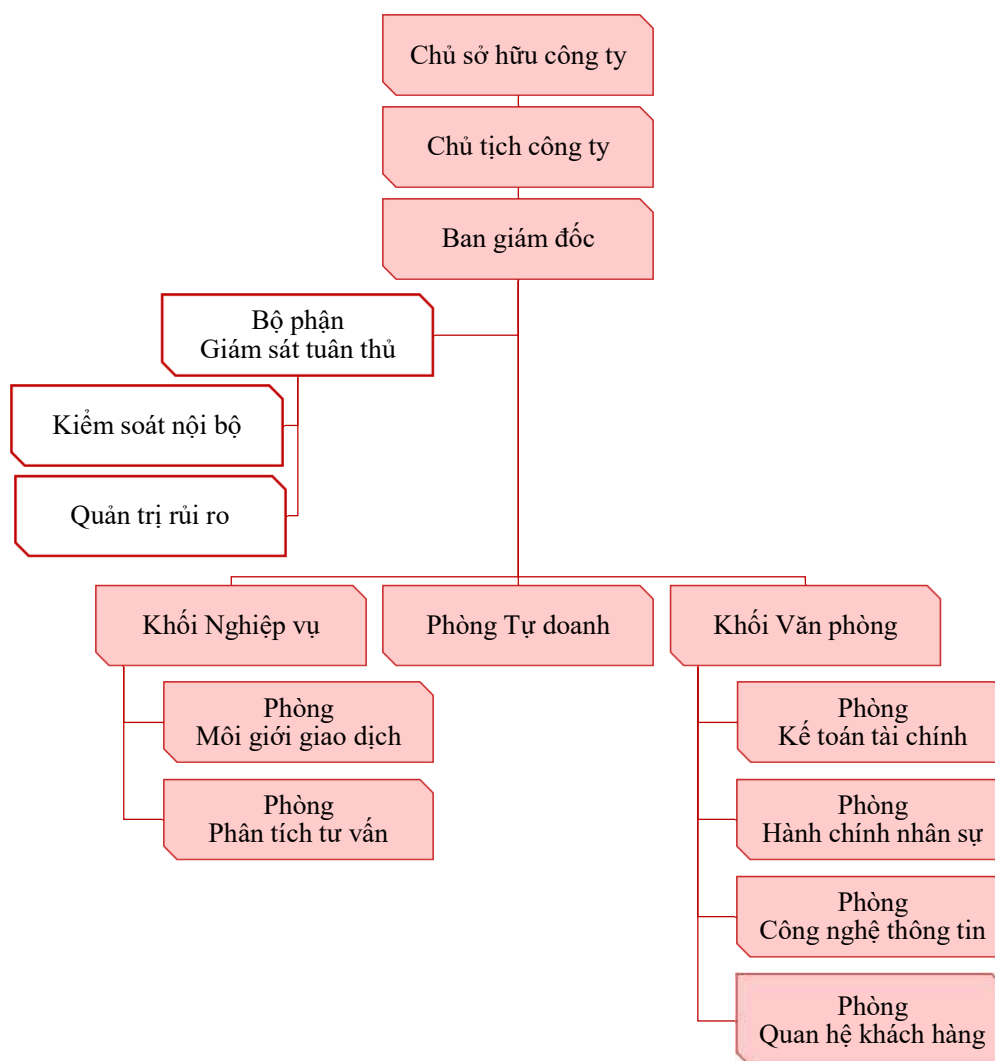
10.2 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Ngày 28/01/2021: Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản tăng vốn từ 160 tỷ đồng lên 300 tỷ đồng.
- Ngày 27/04/2021: Các cổ đông nhỏ lẻ thực hiện hoàn tất việc chuyển nhượng, theo đó, JSI thuộc sở hữu 100% của Công ty Chứng khoán Aizawa.

- Ngày 10/08/2021: Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản đổi tên thành Công ty TNHH Chứng khoán Nhật Bản.
- Tháng 10/2021: Công ty Chứng khoán Aizawa đổi tên thành Tập đoàn Chứng khoán Aizawa. Ngày 03/12/2021, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam ban hành giấy phép điều chỉnh số 108/GPĐC-UBCK xác nhận Công ty TNHH Chứng khoán Nhật Bản trở thành công ty con thuộc sở hữu 100% của Tập đoàn Chứng khoán Aizawa.

11. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

11.1 Cơ cấu bộ máy quản lý



11.2 Mô hình quản trị

JSI quản trị theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, tổ chức quản lý và hoạt động được thực hiện theo Khoản a Điều 79 Luật Doanh nghiệp 2019 bao gồm Chủ tịch công ty và Tổng giám đốc. Công ty không có Ban kiểm soát và Kiểm toán nội bộ.

- Chủ sở hữu là Tập đoàn Chứng khoán Aizawa có trụ sở chính tại Nhật Bản, có toàn quyền quyết định các vấn đề của công ty theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ công ty. Chủ sở hữu chịu trách nhiệm hữu hạn về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn góp cũng chính là số vốn điều lệ của công ty.
- Chủ tịch công ty do Chủ sở hữu bổ nhiệm. Chủ tịch công ty nhân danh chủ sở hữu thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu công ty; nhân danh công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ sở hữu công ty về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định tại Điều lệ.
- Ban giám đốc bao gồm Tổng giám đốc và các Phó tổng giám đốc. Tổng giám đốc thực hiện việc điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty, chịu trách nhiệm trước pháp luật, Chủ sở hữu công ty và Chủ tịch công ty về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Các Phó tổng giám đốc do Tổng giám đốc phân công trực tiếp, thực hiện chỉ đạo một số nội dung công việc và một số nội dung uỷ quyền theo phân quyền.
- Bộ phận Giám sát tuân thủ bao gồm Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro hoạt động độc lập và chuyên trách, hỗ trợ Chủ tịch công ty và Ban giám đốc trong việc quản lý và kiểm soát rủi ro theo các nội dung được quy định tại Điều lệ công ty và các văn bản nội bộ tương ứng, đảm bảo các hoạt động nghiệp vụ của công ty được vận hành một cách chính xác, hạn chế những rủi ro không đáng có phát sinh trong quá trình tác nghiệp. Bộ phận Giám sát tuân thủ có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp pháp và hợp lý trong mọi hoạt động điều hành và vận hành, hoạt động độc lập, trực tiếp báo cáo Chủ tịch công ty và Ban giám đốc tất cả các vấn đề liên quan đến giám sát tuân thủ chung của toàn công ty. Bộ phận Giám sát tuân thủ được xây dựng và đảm bảo một cơ cấu tổ chức hoàn chỉnh, vận hành thống nhất, với đầy đủ bộ máy nhân sự và quy trình, nhằm có thể phát hiện, ngăn ngừa và xử lý các rủi ro có thể gặp phải trong quá trình hoạt động của công ty.

- Các trưởng phòng ban trực tiếp giải quyết công việc cụ thể và chịu trách nhiệm đối với mọi hoạt động của phòng ban đó trước Ban Giám đốc.

11.3 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

- JSI là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu. Theo đó, các thành viên Ban điều hành (bao gồm Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc và các Phó tổng giám đốc, cùng các trưởng phòng ban) đều không phải là cổ đông và không nắm giữ cổ phần của công ty. Do vậy, công ty ứng xử với các thành viên này giống như người lao động bình thường, tuân thủ luật lao động với các chế độ lương thưởng, nghỉ phép, bảo hiểm, khám sức khỏe định kỳ... Một số chế độ đãi ngộ cao hơn như sử dụng xe ô tô, thanh toán chi phí điện thoại trên thực tế phát sinh, hỗ trợ chi phí nhà ở đối với các thành viên là chuyên gia người nước ngoài do công ty mẹ cử sang nhận nhiệm vụ theo nhiệm kỳ có thời hạn... được quy định cụ thể trong quy chế tài chính nội bộ.
- Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: không có.
- Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: không có.

12. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

12.1 Danh sách Ban điều hành

Mặc dù có những thay đổi lớn về hình thức pháp lý, theo đó công ty sắp xếp lại cơ cấu tổ chức cho phù hợp với tình hình thực tiễn và thực hiện tổ chức lại nhân sự, JSI cơ bản giữ nguyên bộ máy nhân sự điều hành chủ chốt của công ty. Theo đó, danh sách Ban điều hành trong năm 2021 cụ thể như sau:

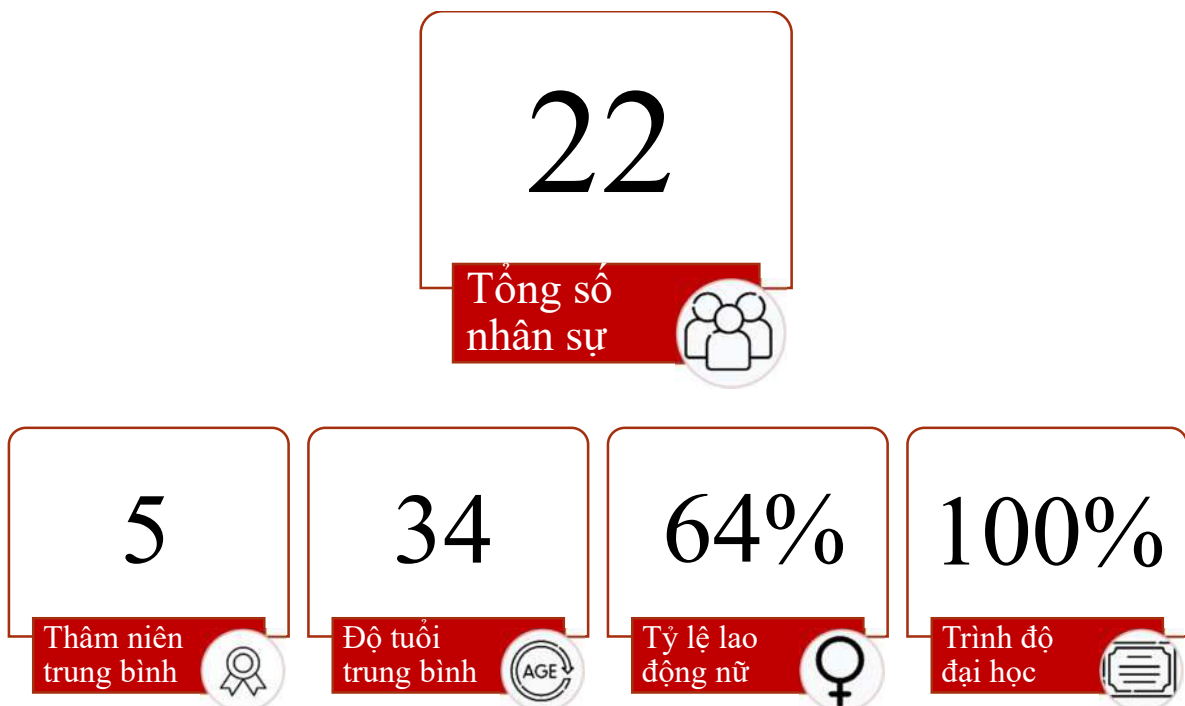
STT	Họ và tên	Vị trí công việc	Trình độ	Kinh nghiệm
1	Ông Tsuyoshi Imai	- Người đại diện theo pháp luật - Chủ tịch công ty - Tổng giám đốc	Cử nhân kinh tế	Trước khi được cử sang đảm nhiệm công tác tại JSI, ông Imai đã có kinh nghiệm hơn 30 năm làm quản lý tại các công ty chứng khoán và tập đoàn đầu tư tại Mỹ, Hồng Kông, Nhật Bản... Hiện, ngoài công việc điều hành hoạt động chung của cả công ty, ông còn trực tiếp phụ trách phòng Tự doanh.
2	Ông Tomonori Tsuchiya	Phó tổng giám đốc	Cử nhân kinh tế	Trước khi được cử sang đảm nhiệm công tác tại JSI, ông Tsuchiya đã có kinh nghiệm gần 20 năm làm việc tại Tập đoàn Chứng khoán Aizawa – chủ sở hữu của JSI. Hiện, ông đang đảm nhiệm vị trí Phó tổng giám đốc trực tiếp quản lý khối Nghiệp vụ của công ty.
3	Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Phó tổng giám đốc	Cử nhân kinh tế	Gia nhập JSI từ những ngày đầu thành lập, bà Trang từng được giao đảm nhiệm các chức vụ Trưởng phòng Tổng hợp, Trưởng phòng Nghiệp vụ Chứng khoán tại công ty. Hiện, bà đang đảm nhiệm vị trí Phó tổng giám đốc trực tiếp quản lý khối Văn phòng của công ty.
4	Bà Khổng Thị Hương	Kế toán trưởng	Cử nhân kinh tế	Là nhân sự có bề dày hơn 20 năm kinh nghiệm trong ngành tài chính kế toán, và gia nhập JSI từ năm 2010, bà Hương chính thức được bổ nhiệm vị trí Kế toán trưởng của công ty kể từ đầu năm 2019.

12.2 Nhân sự

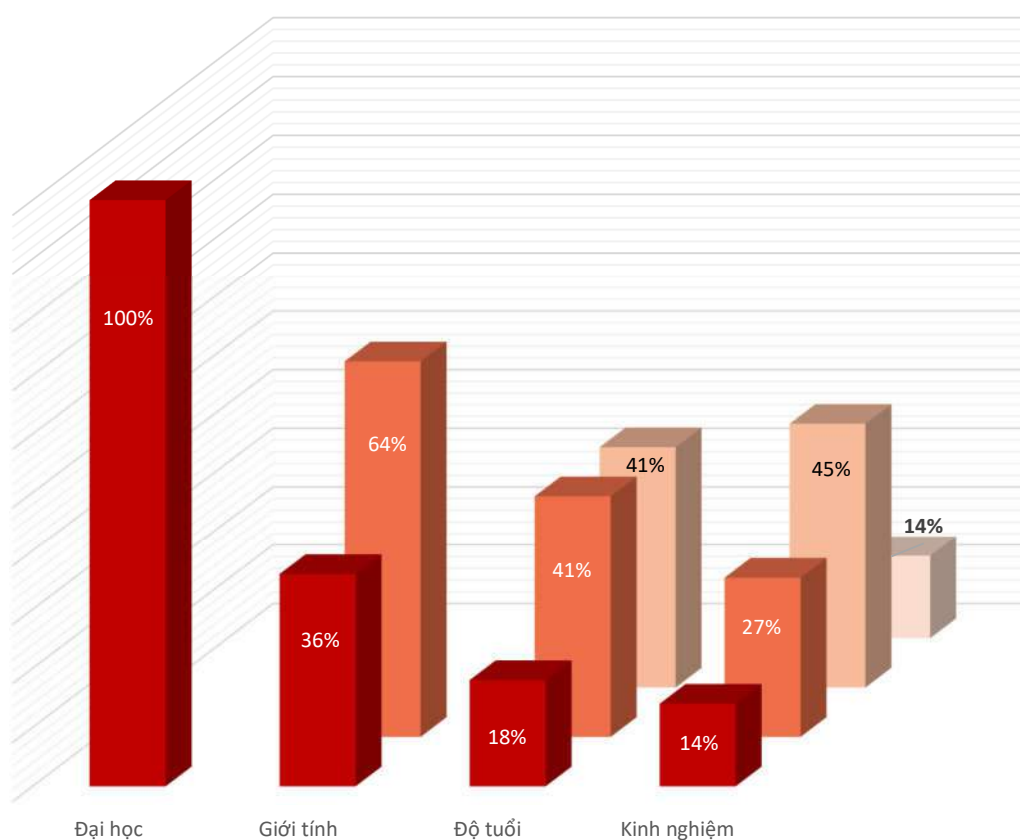
Tính đến hết năm 2021, JSI duy trì tổng số nhân viên là 22 người với 100% trình độ đại học và trên đại học. Để tối đa năng suất lao động và đáp ứng được yêu cầu của luật định, một vài vị trí trong công ty được kiêm nhiệm bởi nhân sự có trình độ chuyên môn cũng như năng lực cao.

Xét về độ tuổi, hơn 80% nhân sự có độ tuổi dưới 40, cho thấy sự trẻ hóa về nguồn lực. Số lượng nhân sự quản lý ở độ tuổi này ngày càng tăng thể hiện quá trình trẻ hóa nguồn lực không những không ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động, mà còn chứng minh được sự nhạy bén, thích ứng nhanh và dám đương đầu của đội ngũ nhân sự JSI.

Xét về thâm niên, trung bình thâm niên tại JSI là 5 năm với gần 60% nhân sự có thâm niên trên 3 năm. JSI chủ trương xây dựng một môi trường làm việc quốc tế chuyên nghiệp, nơi con người có thể phát huy hết khả năng của mình đồng thời được đảm bảo về các phúc lợi và đời sống tinh thần, điều đó được thể hiện qua thời gian gắn bó với doanh nghiệp của tập thể cán bộ nhân viên JSI.



STT	Hình thức phân loại	Tiêu chí cụ thể	Số lượng nhân sự	Tỷ lệ %
1	Theo bằng cấp	Đại học và trên đại học	22	100%
		Dưới đại học	0	0%
2	Theo giới tính	Nam	8	36%
		Nữ	14	64%
3	Theo độ tuổi	Trên 40 tuổi	4	18%
		Từ 30 – 40 tuổi	9	41%
		Dưới 30 tuổi	9	41%
4	Theo thâm niên (tính riêng thời gian làm việc tại JSI)	Dưới 1 năm	3	14%
		Từ 1 – 3 năm	6	27%
		Từ 3 – 10 năm	10	45%
		Trên 10 năm	3	14%



12.3 Những thay đổi trong ban điều hành

Do tổ chức lại công ty, thay đổi hình thức pháp lý từ công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, vào ngày 10/08/2021, JSI đã thực hiện miễn nhiệm các vị trí sau đây:

STT	Họ và tên	Vị trí trước khi miễn nhiệm
1	Ông Tsuyoshi Imai	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Ông Tomonori Tsuchiya	Thành viên Hội đồng quản trị
3	Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Thành viên Hội đồng quản trị
4	Ông Takuya Aizawa	Thành viên Hội đồng quản trị
5	Ông Kazuhiro Mashiba	Thành viên Hội đồng quản trị
6	Bà Lương Thị Trà	Trưởng Ban kiểm soát
7	Ông Kazutoshi Nakano	Thành viên Ban kiểm soát
8	Ông Tohru Kitayama	Thành viên Ban kiểm soát
9	Bà Bùi Thị Hòa	Kiểm toán nội bộ
10	Bà Trương Thị Thu Hồng	Kiểm soát nội bộ
11	Ông Kazuhiro Mashiba	Tiểu ban QTRR thuộc HDQT
12	Ông Trần Việt Sơn	Ban QTRR thuộc Ban giám đốc

Và cùng ngày, đồng thời bổ nhiệm các vị trí sau:

STT	Họ và tên	Vị trí bổ nhiệm mới
1	Ông Tsuyoshi Imai	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Bà Bùi Thị Hòa	Kiểm soát nội bộ
3	Bà Trương Thị Thu Hồng	Quản trị rủi ro

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN



13. VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Với kết quả tăng trưởng vượt bậc từ năm 2020 sang năm 2021, JSI đánh giá các cơ chế chính sách quy trình của công ty hiện đã và đang hoạt động tốt, đáp ứng yêu cầu quản trị nội bộ, đồng thời hỗ trợ một cách hiệu quả cho Chủ sở hữu công ty cũng như Ban lãnh đạo trong việc giám sát điều hành. Mặc dù vậy, với việc thay đổi mô hình pháp lý từ hình thức công ty cổ phần sang hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu, JSI vẫn tiếp tục tiến hành cập nhật, bổ sung, cải thiện những chính sách hiện có, nhằm đảm bảo việc vận hành của công ty, đáp ứng các yêu cầu pháp lý và thực tiễn thị trường, từ đó, đem lại hiệu quả hoạt động tốt nhất. Theo đó, công ty tiến hành thực hiện các hoạt động sau:

- Tăng cường hoạt động giám sát và nâng cao tính minh bạch: Công ty tiếp tục bổ nhiệm nhân sự độc lập và chuyên trách phụ trách các công việc về giám sát tuân thủ, trao quyền cho bộ phận này để chủ động tiến hành công việc và kịp thời xử lý những tình huống rủi ro có thể xảy ra, giúp cho hoạt động của công ty được suôn sẻ và hiệu quả hơn.
- Tiếp tục kiện toàn hệ thống quản trị nội bộ: Rà soát tất cả các quy trình, quy chế nghiệp vụ và quản trị nội bộ để cập nhật theo mô hình tổ chức mới, tiến hành phân cấp phân quyền phù hợp với chức năng nhiệm vụ của từng cá nhân/bộ phận cũng như tình hình hoạt động của công ty trong từng thời kỳ.
- Nâng cao chất lượng và năng lực quản trị điều hành, khuyến khích các nhân sự chủ chốt tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước tổ chức.

- Hoàn thiện Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp nhằm thiết lập và duy trì văn hóa đạo đức công ty để phù hợp với các quy định trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- Nghiên cứu để áp dụng hệ thống công nghệ thông tin vào hoạt động quản trị nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản trị của công ty.

14. VỀ THỊ TRƯỜNG

Tận dụng lợi thế có công ty mẹ là một công ty chứng khoán lớn với bề dày lịch sử lâu đời tại Nhật Bản, đặc biệt, từ tháng 8/2021, khi trở thành công ty con thuộc sở hữu 100% của Aizawa, JSI đã, đang và sẽ tiếp tục thực hiện:

- Phối hợp với công ty mẹ, mở rộng hoạt động tại thị trường Nhật Bản, song song với việc tìm kiếm khách hàng tại các thị trường mới.
- Nâng cao đồng thời số lượng lẫn chất lượng các sản phẩm báo cáo nhằm đáp ứng các nhu cầu của khách hàng hiện tại và thu hút các khách hàng tiềm năng.
- Cử nhân sự đi gặp gỡ giao lưu, tiếp xúc với các nhà đầu tư nước ngoài; quảng bá hình ảnh và tiềm năng cũng như các cơ hội to lớn của Việt Nam nói chung và thị trường chứng khoán Việt Nam nói riêng.
- Thành lập phòng Quan hệ khách hàng do nhân sự người Nhật trực tiếp quản lý: Xây dựng chính sách đánh giá và thực hiện các cải tiến phù hợp với nhu cầu thị trường để đảm bảo sự hài lòng của khách hàng, thiết lập qui trình xử lý khiếu nại và góp ý của khách hàng để ngày càng hoàn thiện hệ thống.

15. VỀ HỆ THỐNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Ngày 03/06/2021, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Quyết định số 379/QĐ-UBCK về Tiêu chuẩn cơ sở kỹ thuật hệ thống công nghệ thông tin trong hoạt động cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến trên thị trường chứng khoán. Căn cứ vào các tiêu chuẩn kỹ thuật này, đội ngũ nhân sự công nghệ thông tin của JSI đã rà soát hệ thống hiện đang vận hành, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về dịch vụ, hạ tầng kỹ thuật, an ninh bảo mật và lưu trữ dữ liệu, phù hợp với quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Theo đó, trong năm 2022, JSI sẽ:

- Tiếp tục thực hiện nâng cấp phần mềm giám sát hệ thống công nghệ thông tin nhằm giảm thiểu rủi ro khi vận hành hệ thống, phát hiện lỗi nhanh hơn và giúp xử lý sự cố tốt hơn. Đồng thời công ty cũng sẽ bám sát các kế hoạch chuyển đổi sang hệ thống KRX của các Sở HOSE, HNX và VSD, từ đó cập nhập hệ thống kịp thời theo đúng yêu cầu của Sở và thực hiện thay đổi quy trình vận hành phù hợp với sự thay đổi hệ thống.
- Tiếp tục theo dõi hệ thống phần cứng đặt tại Trung tâm dữ liệu dự phòng Sở HOSE nhằm sớm phát hiện ra lỗi phần cứng và các thiết bị máy chủ cần nâng cấp để tăng hiệu năng của hệ thống, đảm bảo hoạt động ổn định cho giao dịch chứng khoán.
- Tùy từng thời điểm và yêu cầu thực tiễn, JSI sẽ bổ sung các chức năng cần thiết cho hệ thống để đáp ứng yêu cầu của thị trường và khách hàng.

16. VỀ DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

Là hoạt động mang lại doanh thu trực tiếp cho công ty, dịch vụ chứng khoán luôn được chú trọng lên kế hoạch hoạt động chi tiết, kỹ lưỡng. Để đạt được mục tiêu trung và dài hạn, các kế hoạch hoạt động được xác lập cụ thể dựa trên tầm nhìn chiến lược và tập trung vào các yếu tố tạo nên sự phát triển bền vững cho công ty.

- Thực hiện việc phân tích khách hàng dựa trên nhu cầu đầu tư, tài sản đầu tư, đặc tính đầu tư, vòng quay tài sản...từ đó cung cấp đúng thông tin, sản phẩm, nhằm kích thích, gia tăng tần suất và giá trị giao dịch của khách hàng.
- Cập nhật và điều chỉnh chính sách khách hàng nhằm gia tăng cơ hội đầu tư của khách hàng hiện tại và phát triển khách hàng mới.
- Chú trọng phát triển mạng lưới khách hàng tổ chức tại các thị trường quen thuộc mà công ty có thế mạnh.
- Tăng cường đào tạo nhằm nâng cao chất lượng nhân sự về chuyên môn, các kỹ năng giao tiếp và chăm sóc khách hàng, nâng cao hiệu quả thực hiện giao dịch.

- Hoàn thiện và bổ sung hệ thống quy trình làm việc, đặc biệt là các quy trình xử lý tình huống phát sinh nhằm nâng cao kỹ năng xử lý tình huống, giải quyết vấn đề, đảm bảo chất lượng dịch vụ cung cấp.

17. VỀ NHÂN SỰ

JSI hiểu rằng, con người luôn là giá trị cốt lõi của doanh nghiệp. Công ty luôn luôn chú trọng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đào tạo kỹ năng quản trị công việc, cũng như thường xuyên định hướng việc kiểm soát rủi ro.

- Công ty không ngừng củng cố và xây dựng một môi trường làm việc an toàn và lành mạnh, là một đại gia đình, là nơi nhân viên được thăng hoa trong công việc, được hoàn thiện bản thân cũng như đóng góp cho đại gia đình ngày càng vững mạnh, từ đó tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững và lâu dài, tạo được sự hài lòng và tin tưởng của khách hàng.
- Nhân sự tại JSI được đánh giá năng lực và sự đóng góp đối với công ty thường niên thông qua hệ thống đánh giá cụ thể và minh bạch. Cùng với sự phát triển của công ty và sự đổi mới của thị trường nhân sự, hệ thống đánh giá sẽ tiếp tục được hoàn thiện nhằm đưa ra được kết quả khách quan và công bằng nhất đối với toàn thể cán bộ nhân viên.
- JSI đang xây dựng và triển khai chương trình đào tạo chi tiết với từng cấp bậc nhân sự trong mỗi giai đoạn phù hợp. Mục đích của chương trình nhằm:
 - (1) Đảm bảo toàn bộ nhân sự có kiến thức cơ bản về ngành chứng khoán nói chung và về công ty nói riêng;
 - (2) Đào tạo các kỹ năng cần thiết và đáp ứng yêu cầu công việc và lộ trình phát triển của nhân sự, từ đó, đáp ứng được các đòi hỏi ngày càng cao của thị trường;
 - (3) Phát triển đội ngũ nhân sự vững mạnh, đào tạo đội ngũ kế cận, tạo nền tảng vững chắc giúp công ty phát triển bền vững;
 - (4) Xây dựng công ty gắn kết và hoạt động hiệu quả, mang lại giá trị gia tăng cho khách hàng.

CẤP BẬC NHÂN SỰ	NỘI DUNG ĐÀO TẠO	MỤC ĐÍCH	THỜI GIAN
Nhân viên	Nội quy lao động của công ty	Hiểu biết chung về ngành và công ty	1 ngày
	Cam kết bảo mật		
	Quy trình quy định chung		
Thủ việc	Cơ cấu tổ chức của công ty	Hiểu biết cơ bản về ngành chứng khoán và công ty	2 tháng
	Hiểu biết cơ bản về ngành chứng khoán		
	Sản phẩm dịch vụ của công ty		
Nhân viên chính thức	Công việc chung của phòng ban	Các kỹ năng cơ bản đáp ứng nhu cầu công việc	2 năm
	Nội dung công việc cơ bản		
	Kỹ năng thuyết trình, thực hiện báo cáo và báo cáo		
	Nội dung công việc chuyên sâu: - Tự thực hiện các nội dung công việc được giao - Lập và kiểm soát các báo cáo công việc liên quan		
	Kỹ năng giao tiếp hiệu quả: - Đối tượng: Đồng nghiệp, khách hàng, đối tác, cơ quan quản lý... - Phương thức: Trực tiếp, qua email, điện thoại, chat...		
	Kỹ năng lập kế hoạch và quản lý công việc hiệu quả		
	Kỹ năng làm việc nhóm, trong phòng ban, và với các phòng ban khác		
	Kỹ năng quản lý, tổ chức, điều hành đội nhóm một cách hiệu quả		
	Kỹ năng giao việc và huấn luyện nhân sự		
	Kỹ năng tổ chức điều hành cuộc họp hiệu quả		
Phó phòng	Kỹ năng tư vấn nghiệp vụ chuyên sâu cho Ban lãnh đạo	Kỹ năng quản lý điều hành	Trong quá trình làm việc
	Kỹ năng xây dựng văn hóa tập thể		
	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định		
	Kỹ năng gắn kết nhân sự, truyền động lực và năng lượng cho nhân sự		
	Kỹ năng phỏng vấn và tìm kiếm nhân tài		
Trưởng phòng trở lên			

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

18. Ý KIẾN KIỂM TOÁN

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán VACO
- Ý kiến của đơn vị kiểm toán đối với Báo cáo tài chính 2021 của công ty: Chấp thuận toàn phần

19. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Tài liệu đính kèm./.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN



TỔNG GIÁM ĐỐC
TSUYOSHI IMAI

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Tháng 3 năm 2022

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	02
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	03 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	07 - 08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09 - 11
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	12
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	13 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán Nhật Bản (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Tsuyoshi Imai	Chủ tịch Công ty kiêm Tổng Giám đốc
Ông Tomonori Tsuchiya	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Tsuyoshi Imai - Chủ tịch Công ty kiêm Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như báo cáo kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong kỳ phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Tsuyoshi Imai
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2022



Số: 118 /VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc
Công ty TNHH Chứng khoán Nhật Bản

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Chứng khoán Nhật Bản (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 23 tháng 3 năm 2022, từ trang 03 đến trang 35, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu Báo cáo tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.


Chữ Mạnh Hoan
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1403-2018-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2022



Nguyễn Thị Thu Huyền
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 4921-2019-156-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)	100		160.709.313.571	193.747.840.826
I. Tài sản tài chính	110		159.366.849.927	192.084.146.450
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	21.145.099.320	148.688.832.403
1.1. Tiền	111.1		11.145.099.320	148.688.832.403
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		10.000.000.000	-
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	7	31.453.386.116	-
3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	8	95.000.000.000	40.000.000.000
4. Các khoản cho vay	114	9	2.823.799.373	1.498.749.079
5. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	10	(1.243.672.975)	(1.277.953.248)
6. Các khoản phải thu	117	11	7.996.383.031	1.909.085.303
6.1. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		7.996.383.031	1.909.085.303
6.1.1. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		7.996.383.031	1.909.085.303
7. Trả trước cho người bán	118	11	345.253.700	55.465.000
8. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	11	306.390.490	282.618.540
9. Các khoản phải thu khác	122	11	1.540.210.872	927.349.373
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		1.342.463.644	1.663.694.376
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	12	1.332.463.644	1.357.072.139
2. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		10.000.000	10.000.000
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	136	16	-	296.622.237
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 250)	200		160.975.577.597	106.660.786.230
I. Tài sản tài chính dài hạn	210		150.000.000.000	93.000.000.000
1. Các khoản đầu tư	212	8	150.000.000.000	93.000.000.000
1.1. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	212.1		150.000.000.000	93.000.000.000
II. Tài sản cố định	220		8.081.509.878	10.330.765.885
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	5.204.938.623	6.636.194.638
- Nguyên giá	222		11.998.893.204	11.665.413.204
- Giá trị hao mòn lũy kế	223.a		(6.793.954.581)	(5.029.218.566)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	2.876.571.255	3.694.571.247
- Nguyên giá	228		8.101.892.220	8.023.892.220
- Giá trị hao mòn lũy kế	229.a		(5.225.320.965)	(4.329.320.973)
III. Tài sản dài hạn khác	250		2.894.067.719	3.330.020.345
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		801.034.880	801.034.880
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	12	669.059.035	1.140.102.918
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	254	15	1.423.973.804	1.388.882.547
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		321.684.891.168	300.408.627.056

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	300		5.290.036.962	142.495.892.516
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		4.999.359.739	142.495.892.516
1. Phải trả người bán ngắn hạn	320		212.092.251	314.174.165
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	16	1.738.716.407	359.572.138
3. Phải trả người lao động	323		2.444.926.819	1.390.144.755
4. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		85.042.400	74.647.800
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	17	299.040.527	98.455.658
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	18	219.541.335	140.258.898.000
II. Nợ phải trả dài hạn	340		290.677.223	-
1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356	19	290.677.223	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		316.394.854.206	157.912.734.540
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	316.394.854.206	157.912.734.540
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	160.000.000.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		300.000.000.000	160.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		325.801.831	325.801.831
3. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		344.013.296	344.013.296
4. Lợi nhuận chưa phân phối	417		15.725.039.079	(2.757.080.587)
4.1. Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		14.562.330.186	(2.757.080.587)
4.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		1.162.708.893	-
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)	440		321.684.891.168	300.408.627.056

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
1. Ngoại tệ các loại	005			
- USD			277,69	290,89
- JPY			115.271	115.271
2. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	21	14.682.956.700	-
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	22	166.504.720.000	187.416.740.000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		163.609.720.000	185.606.160.000
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		1.520.000.000	169.060.000
c. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		1.375.000.000	1.641.520.000
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	23	523.390.000	496.190.000
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		523.390.000	496.190.000
3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023	24	2.945.000.000	7.442.500.000
4. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư	024	25	5.127.032.300	5.094.436.700

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
5. Tiền gửi của khách hàng	026	26	8.892.854.249	9.043.207.815
5.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		8.315.354.983	6.736.918.441
5.2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028		571.878.071	2.300.946.448
5.3. Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	030		5.621.195	5.342.926
6. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	27	8.887.233.054	9.037.864.889
6.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		8.692.746.954	8.356.341.224
6.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		194.486.100	681.523.665
7. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035		5.621.195	5.342.926

Hoàng Thị Thanh Huyền
Người lập biểu

Khổng Thị Hương
Kế toán trưởng



Tsuyoshi Imai
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1 Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		1.453.386.116	-
a. <i>Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL</i>	01.2	28	1.453.386.116	-
1.2 Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	29	12.292.713.700	8.638.977.362
1.3 Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	29	135.999.911	38.437.197
1.4 Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		23.547.532.753	8.271.256.129
1.5 Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08		3.328.132.938	1.836.000.000
1.6 Doanh thu lưu ký chứng khoán	09		58.652.702	40.334.753
1.7 Thu nhập hoạt động khác	11		-	10.419.725
Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01 => 11)	20		40.816.418.120	18.835.425.166
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1 Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24	30	(34.280.273)	(4.772.600)
2.2 Chi phí môi giới chứng khoán	27	30	18.099.323.407	13.849.736.790
2.3 Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29	30	947.373.092	690.970.758
2.4 Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	30	66.659.272	74.235.646
Cộng chi phí hoạt động (40 = 24 => 30)	40		19.079.075.498	14.610.170.594
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1 Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41	31	-	1.103.829
3.2 Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42	31	134.446.643	107.158.574
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41 => 42)	50		134.446.643	108.262.403
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1 Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51		3.473.400	198
Cộng chi phí tài chính (60 = 51)	60		3.473.400	198
V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	32	7.480.592.948	6.557.345.950
VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 + 50 - 40 - 60 - 62)	70		14.387.722.917	(2.223.829.173)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
7.1 Thu nhập khác	71	33	8.169.150.938	3.158.037.988
7.2 Chi phí khác	72		3.498	11.715
Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71 - 72)	80		8.169.147.440	3.158.026.273
VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)	90		22.556.870.357	934.197.100
8.1 Lợi nhuận đã thực hiện	91		21.103.484.241	934.197.100
8.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	92		1.453.386.116	-
IX. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		4.074.750.691	-
9.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	34	3.784.073.468	-
9.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2	35	290.677.223	-
X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	200		18.482.119.666	934.197.100

Hoàng Thị Thanh Huyền
Người lập biểu

Khổng Thị Hương
Kế toán trưởng



Tsuyoshi Imai
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	01	22.556.870.357	934.197.100
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02	2.356.009.180	2.486.103.395
- Khấu hao TSCĐ	03	2.660.736.007	2.636.471.766
- Các khoản dự phòng	04	(34.280.273)	(4.772.600)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	07	(134.446.643)	(107.158.574)
- Dự thu tiền lãi	08	(135.999.911)	(38.437.197)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30	(151.889.790.563)	(41.918.456.501)
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31	(31.453.386.116)	-
- Tăng (giảm) các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32	(112.000.000.000)	(42.000.000.000)
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33	(1.325.050.294)	(203.636.785)
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TS tài chính	36	(5.951.297.817)	(533.026.459)
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37	(23.771.950)	(46.082.665)
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu khác	39	(612.861.499)	44.844.257
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41	200.584.869	(319.790.509)
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42	495.652.378	145.608.488
- Thuế TNDN đã nộp	43	(2.677.268.380)	-
- Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45	(102.081.914)	294.379.165
- Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46	10.394.600	6.250.800
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47	568.961.418	125.380.720
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48	1.054.782.064	301.169.905
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50	(39.356.665)	170.046.339
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	51	(35.091.257)	96.400.243
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60	(126.976.911.026)	(38.498.156.006)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các TS khác	61	(701.268.700)	(318.585.000)
2. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65	134.446.643	107.158.574
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70	(566.822.057)	(211.426.426)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	71	-	140.000.000.000
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>80</i>	<i>-</i>	<i>140.000.000.000</i>
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong năm	90	(127.543.733.083)	101.290.417.568
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	101	148.688.832.403	47.398.414.835
- Tiền	101.1	148.688.832.403	4.398.414.835
- Các khoản tương đương tiền	101.2	-	43.000.000.000
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	103	21.145.099.320	148.688.832.403
- Tiền	103.1	11.145.099.320	148.688.832.403
- Các khoản tương đương tiền	103.2	10.000.000.000	-

Hoàng Thị Thanh Huyền
Người lập biểu

Khổng Thị Hương
Kế toán trưởng



Tsuyoshi Imai
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2022

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	601.813.424.000	243.369.351.500
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(519.381.830.300)	(197.521.327.600)
3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	470.163.212.828	203.206.114.815
4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08	(552.685.329.105)	(242.789.736.018)
5. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11	(60.109.258)	(41.602.274)
6. Tiền thu của tổ chức phát hành chứng khoán	14	10.911.410.467	17.562.922.213
7. Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán	15	(10.911.132.198)	(17.562.773.044)
Tăng/giảm tiền thuần trong năm	20	(150.353.566)	6.222.949.592
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30	9.043.207.815	2.820.258.223
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32	6.736.918.441	2.702.485.116
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	33	2.300.946.448	112.579.350
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	35	5.342.926	5.193.757
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)	40	8.892.854.249	9.043.207.815
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42	8.315.354.983	6.736.918.441
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43	571.878.071	2.300.946.448
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45	5.621.195	5.342.926

Hoàng Thị Thanh Huyền
Người lập biểu

Khổng Thị Hương
Kế toán trưởng



Tsuyoshi Imai
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

Chi tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		01/01/2020	01/01/2021	Năm trước		Năm nay		31/12/2020	31/12/2021
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	20	160.000.000.000	160.000.000.000	-	-	140.000.000.000	-	160.000.000.000	300.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	20	325.801.831	325.801.831	-	-	-	-	325.801.831	325.801.831
3. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	20	344.013.296	344.013.296	-	-	-	-	344.013.296	344.013.296
4. Lợi nhuận chưa phân phối	20	(3.691.277.687)	(2.757.080.587)	934.197.100	-	18.482.119.666	-	(2.757.080.587)	15.725.039.079
Tổng vốn chủ sở hữu	20	156.978.537.440	157.912.734.540	934.197.100	-	158.482.119.666	-	157.912.734.540	316.394.854.206

Chi tiết tăng, giảm trong năm của các chỉ tiêu vốn chủ sở hữu xem tại Thuyết minh số 20.


Hoàng Thị Thanh Huyền
Người lập biểu


Khổng Thị Hương
Kế toán trưởng



Tsuyoshi Imai
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Chứng khoán Nhật Bản (tên cũ là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản) ("Công ty") được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 129/GP-UBCK ngày 10 tháng 8 năm 2021 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lại và Giấy phép thành lập và hoạt động được điều chỉnh lần gần nhất số 108/GPĐC-UBCK ngày 03 tháng 12 năm 2021. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty là 300.000.000.000 VND.

Trụ sở Công ty đặt tại Tầng 14, Tòa nhà TNR Tower, Số 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội.

Điều lệ Công ty được sửa đổi và ban hành mới nhất vào ngày 24 tháng 8 năm 2021.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 22 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là 21 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty gồm:

- Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc của Công ty.
- Công ty Tập đoàn Chứng khoán Aizawa (tên cũ: Công ty Chứng khoán Aizawa): Công ty mẹ.
- Công ty Chứng khoán Aizawa (được thành lập ngày 01 tháng 4 năm 2021): Cùng công ty mẹ.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Thông tư 210 có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Những quy định trái với Thông tư này đều bãi bỏ. Thông tư 210 thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Thông tư 210 đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Ngày 27 tháng 12 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 334/2016/TT-BTC (“Thông tư 334”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Thông tư 334 đã hướng dẫn hệ thống tài khoản kế toán, mẫu và giải thích báo cáo tài chính, giải thích nội dung, kết cấu của tài khoản kế toán. Thông tư 334, có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty thực hiện kế toán trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam có liên quan, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư 210 và Thông tư 334.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc ủy thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán. Khoản tiền này đang được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản ký quỹ cho việc thực hiện các giao dịch xóa lệnh và khớp lệnh tại Sở Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong số các điều kiện sau:

- (i) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu do mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) (Tiếp theo)

(ii) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:

- Việc phân loại vào các tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
- Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Cơ sở ghi nhận tăng/giảm số lượng và giá trị chứng khoán FVTPL mua trong Danh mục tài sản tài chính của CTCK được tính tại ngày T+0.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá trị thị trường/giá trị hợp lý. Cuối kỳ kế toán phải đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường).

Đối với các tài sản tài chính FVTPL niêm yết, giá thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày kết thúc kỳ báo cáo tài chính.

Đối với các tài sản tài chính FVTPL đăng ký giao dịch, giá thị trường được xác định là giá bình quân tại ngày giao dịch gần nhất ngày kết thúc kỳ báo cáo tài chính.

Đối với các tài sản tài chính FVTPL không niêm yết/đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán, Công ty ghi nhận theo giá trị là giá trung bình các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) Công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá 1 tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả thu nhập;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính HTM.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường chứng khoán, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động;
- Các khoản được Công ty phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản cho vay được thực hiện bao gồm hợp đồng giao dịch ký quỹ và hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán. Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay.

Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp

Kết thúc niên độ kế toán, Công ty phải đánh giá dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp đảm bảo đối với khoản cho vay của CTCK theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Tài sản tài chính nhận thế chấp được đánh giá bằng 70% giá trị thị trường/ giá trị hợp lý tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Đối với tài sản thế chấp là các chứng khoán của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất đến ngày đánh giá lại.

Đối với tài sản thế chấp là các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần được trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính khi Công ty có quyền hợp pháp thực hiện bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần hoặc thu được các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả đồng thời.

Các khoản phải thu và dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

Tất cả các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty phát sinh trong kỳ đều được theo dõi tại chỉ tiêu "Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính" trên Báo cáo tình hình tài chính.

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Thời gian hữu dụng</u> <u>ước tính</u> (Năm)
Máy móc, thiết bị	03 - 06
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ văn phòng	05 - 06

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là giá trị của các chương trình phần mềm phục vụ hoạt động kinh doanh, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 - 06 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm khoản tiền phải trả các tổ chức cung cấp các dịch vụ mua bán các tài sản tài chính của Công ty hoặc của khách hàng qua Sở Giao dịch chứng khoán và Công ty với tư cách là thành viên.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của Chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn góp thực tế của Chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty sẽ được phân phối theo quyết định của Chủ sở hữu.

Doanh thu

- **Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán:**
Là khoản phí giao dịch chứng khoán mà Công ty được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.
- **Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ:**
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra và khoản thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu, tiền lãi phát sinh các khoản tiền gửi cố định thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL và chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL.
- **Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM):**
Tiền lãi phát sinh từ danh mục tài sản tài chính HTM mà Công ty được nhận (lãi trái phiếu, lãi tiền gửi có kỳ hạn).
- **Doanh thu nghiệp vụ tư vấn chứng khoán:**
Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Doanh thu (Tiếp theo)

• **Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán:**

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư của Công ty được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động là khoản phí lưu ký chứng khoán thu được của nhà đầu tư có chứng khoán gửi lưu ký chứng khoán ở Trung tâm Lưu ký chứng khoán được xác định vào cuối mỗi tháng.

• **Lãi từ các khoản cho vay và phải thu:**

Là khoản phí chứng khoán mà công ty chứng khoán được hưởng từ hoạt động giao dịch ký quỹ và hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ hoàn thành.

• **Thu nhập hoạt động khác:**

Doanh thu khác bao gồm doanh thu, từ các hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán và doanh thu khác. Các khoản này được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích.

Doanh thu hoạt động tài chính

Bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá và lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Chi phí quản lý công ty chứng khoán

Bao gồm các chi phí lương, vật tư văn phòng, thuế, phí, lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác phục vụ cho hoạt động quản lý của Công ty.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo thu nhập toàn diện. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Báo cáo tình hình tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ hoạt động tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng	11.145.099.320	148.688.832.403
Các khoản tương đương tiền (i)	10.000.000.000	-
Cộng	21.145.099.320	148.688.832.403

Ghi chú:

(i) Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ 1 đến 3 tháng tại Ngân hàng TMCP.

6. KHỐI LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ THỰC HIỆN GIAO DỊCH TRONG NĂM

Năm nay	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm nay	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm nay
	VND	VND
a) Cửa công ty chứng khoán	1.468.296	30.000.000.000
- Chứng chỉ quỹ	1.468.296	30.000.000.000
b) Cửa nhà đầu tư	350.850.146	12.182.477.463.490
- Cổ phiếu	348.730.646	12.142.727.624.490
- Chứng chỉ quỹ	1.455.600	37.950.659.000
- Chứng khoán khác (Chứng quyền)	663.900	1.799.180.000
Cộng	352.318.442	12.212.477.463.490
Năm trước	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm trước	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm trước
	VND	VND
Cửa nhà đầu tư	94.437.101	2.062.486.092.900
- Cổ phiếu	93.738.261	2.054.141.592.300
- Chứng chỉ quỹ	698.840	8.344.500.600
Cộng	94.437.101	2.062.486.092.900

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. TÀI SẢN TÀI CHÍNH GHI NHẬN THÔNG QUA LÃI LỖ

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	30.000.000.000	31.453.386.116	-	-
Chứng chỉ quỹ	30.000.000.000	31.453.386.116	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. TÀI SẢN TÀI CHÍNH GHI NHẬN THÔNG QUA LÃI LỖ (TIẾP THEO)

STT	Các loại tài sản tài chính	Số cuối năm				Số đầu năm					
		Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý cuối năm	CL đánh giá năm nay		Giá trị đánh giá lại	Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý đầu năm	CL đánh giá năm trước		
				Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm				Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	
A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	Giá trị đánh giá lại
I	FVTPL										
I	Chứng chỉ quỹ										
	BVBF	30.000.000.000	31.453.386.116	1.453.386.116	-	31.453.386.116	-	-	-	-	
	VCBFTBF	10.000.000.000	10.227.064.179	227.064.179	-	10.227.064.179	-	-	-	-	
	DCBF	10.000.000.000	10.814.154.240	814.154.240	-	10.814.154.240	-	-	-	-	
		10.000.000.000	10.412.167.697	412.167.697	-	10.412.167.697	-	-	-	-	
	Tổng	30.000.000.000	31.453.386.116	1.453.386.116	-	31.453.386.116	-	-	-	-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN (HTM)

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	95.000.000.000	40.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 12 tháng (i)	95.000.000.000	40.000.000.000
b) Dài hạn	150.000.000.000	93.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng (ii)	150.000.000.000	93.000.000.000
Cộng	245.000.000.000	133.000.000.000

Ghi chú:

- (i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng và 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam, lãi nhận cuối kỳ.
- (ii) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, lãi nhận định kỳ hoặc cuối kỳ.

9. CÁC KHOẢN CHO VAY

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Các khoản cho vay	2.823.799.373	1.243.672.975	1.498.749.079	1.277.953.248
Cho vay hoạt động Margin (i)	1.243.672.975	1.243.672.975	1.284.195.294	1.277.953.248
Cho vay hoạt động ứng trước	1.580.126.398	-	214.553.785	-

Ghi chú:

- (i) Theo Thông báo số 001/2017/JSI-CBTT ngày 23 tháng 01 năm 2017, Công ty thực hiện ngừng cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ. Số dư cho vay hoạt động Margin tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 phát sinh từ trước ngày 01 tháng 01 năm 2017.

CÔNG TY TNHH CHÚNG KHOÁN NHẬT BẢN

Tầng 14, Tòa nhà TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh,
Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội

MẪU SỐ B09 - CTCK

Ban hành kèm theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN THẾ CHẤP

Đơn vị: VND

STT	Loại TSTC	Cơ sở lập dự phòng năm nay			Giá trị lập dự phòng đầu năm	Mức (trích lập)/ hoàn nhập trong năm
		Giá số sách kế toán	Giá trị thị trường tại thời điểm lập BCTC	Giá trị lập dự phòng cuối năm		
I	Tài sản tài chính cho vay					
	Các khoản cho vay	2.823.799.373	1.580.126.398	(1.243.672.975)	(1.277.953.248)	34.280.273
	Cho vay hoạt động Margin	1.243.672.975	-	(1.243.672.975)	(1.277.953.248)	34.280.273
	Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	1.580.126.398	1.580.126.398	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	7.996.383.031	1.909.085.303
Dự thu tiền lãi - Tiền gửi có kỳ hạn cố định	7.986.178.090	1.900.621.924
Dự thu tiền lãi hoạt động giao dịch ký quỹ	8.075.756	8.075.756
Dự thu tiền lãi hoạt động ứng trước tiền bán	2.129.185	387.623
Trả trước cho người bán	345.253.700	55.465.000
Công ty TNHH Công nghệ Skytek	345.253.700	-
Đối tượng khác	-	55.465.000
Các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	306.390.490	282.618.540
Phải thu phí và thuế giao dịch chứng khoán	130.073.268	104.844.762
Phải thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	168.300.000	168.300.000
Phải thu phí lưu ký của Nhà đầu tư	8.017.222	9.473.778
Các khoản phải thu khác	1.540.210.872	927.349.373
Công ty Tập đoàn Chứng khoán Aizawa	-	890.653.558
Công ty Chứng khoán Aizawa	1.491.136.066	-
Các khoản phải thu khác	49.074.806	36.695.815

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.332.463.644	1.357.072.139
Thuê chỗ đặt máy chủ, tủ rack offline	730.840.000	730.840.000
Chi phí bảo trì	169.006.850	180.673.519
Chi phí trả trước khác	432.616.794	445.558.620
b) Dài hạn	669.059.035	1.140.102.918
Chi phí thi công nội thất văn phòng	158.812.500	855.711.878
Chi phí bảo trì	71.825.000	-
Chi phí trả trước khác	438.421.535	284.391.040
Cộng	2.001.522.679	2.497.175.057

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ văn phòng	Cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	6.443.675.132	1.667.939.900	3.553.798.172	11.665.413.204
Mua trong năm	-	-	333.480.000	333.480.000
Số dư cuối năm	6.443.675.132	1.667.939.900	3.887.278.172	11.998.893.204
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	2.126.878.474	607.542.626	2.294.797.466	5.029.218.566
Khấu hao trong năm	1.098.108.888	277.989.984	388.637.143	1.764.736.015
Số dư cuối năm	3.224.987.362	885.532.610	2.683.434.609	6.793.954.581
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư đầu năm	4.316.796.658	1.060.397.274	1.259.000.706	6.636.194.638
Số dư cuối năm	3.218.687.770	782.407.290	1.203.843.563	5.204.938.623

Nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 1.483.991.178 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là 1.483.991.178 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm	Cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	8.023.892.220	8.023.892.220
Mua trong năm	78.000.000	78.000.000
Số dư cuối năm	8.101.892.220	8.101.892.220
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	4.329.320.973	4.329.320.973
Khấu hao trong năm	895.999.992	895.999.992
Số dư cuối năm	5.225.320.965	5.225.320.965
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư đầu năm	3.694.571.247	3.694.571.247
Số dư cuối năm	2.876.571.255	2.876.571.255

Nguyên giá các tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 2.739.892.220 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là 2.739.892.220 VND).

15. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	964.997.747	964.997.747
Tiền lãi phân bổ	338.976.057	303.884.800
Cộng	1.423.973.804	1.388.882.547

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải thu	-	296.622.237
Thuế TNDN nộp thừa	-	296.622.237
b) Phải nộp	1.738.716.407	359.572.138
Thuế GTGT	84.483.987	45.962.720
Thuế TNDN	810.182.851	-
Thuế TNCN	608.289.790	109.264.903
Thuế nhà thầu	235.759.779	204.344.515

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trích trước chi phí dịch vụ mua ngoài đã hoàn thành chưa có hoá đơn	299.040.527	46.455.680
Chi phí phải trả khác	-	51.999.978
Cộng	299.040.527	98.455.658

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty Tập đoàn Chứng khoán Aizawa (i)	-	140.000.000.000
Tiền chờ thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm của nhà đầu tư chưa chuyển VSD	109.430.000	-
Phải trả khác	110.111.335	258.898.000
Cộng	219.541.335	140.258.898.000

Ghi chú:

(i) Khoản phải trả đầu năm là tiền Công ty Tập đoàn Chứng khoán Aizawa - Công ty mẹ nộp để chuẩn bị tăng vốn điều lệ của Công ty theo Nghị quyết số 2001/NQ.BT/ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 9 năm 2020. Trong năm 2021, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận tăng vốn do đó số dư phải trả đầu năm đã được chuyển thành vốn góp của chủ sở hữu (Chi tiết tại Thuyết minh số 20).

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI PHẢI TRẢ

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ		
Giá trị theo cơ sở tính thuế	30.000.000.000	-
Giá trị theo kế toán	31.453.386.116	-
Chênh lệch giá trị tính thuế và kế toán	1.453.386.116	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	290.677.223	-
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số dư đầu năm	-	-
Ghi nhận thuế hoãn lại phải trả	290.677.223	-
Số dư cuối năm	290.677.223	-

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghề nghiệp</u>	<u>Các quỹ khác thuộc vốn CSH</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	160.000.000.000	325.801.831	344.013.296	(3.691.277.687)	156.978.537.440
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	934.197.100	934.197.100
Số dư đầu năm nay	160.000.000.000	325.801.831	344.013.296	(2.757.080.587)	157.912.734.540
Tăng vốn điều lệ	140.000.000.000	-	-	-	140.000.000.000
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	18.482.119.666	18.482.119.666
Số dư cuối năm nay	300.000.000.000	325.801.831	344.013.296	15.725.039.079	316.394.854.206

Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ VND theo Nghị quyết số 2001/NQ.BT/ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông - Công ty Chứng khoán Aizawa (tên hiện tại: Công ty Tập đoàn Chứng khoán Aizawa) đã chuyển tiền 140.000.000.000 VND vào tài khoản Ngân hàng của Công ty để mua cổ phần phát hành thêm vào ngày 18 tháng 12 năm 2020 và ngày 23 tháng 12 năm 2020. Ngày 28 tháng 01 năm 2021, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty chứng khoán số 03/GPĐC-UBCK, trong đó quy định vốn điều lệ của Công ty là 300.000.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty Tập đoàn Chứng khoán Aizawa	300.000.000.000	100,00%	157.950.000.000	98,72%
Thành viên góp vốn khác	-	-	2.050.000.000	1,28%
Cộng	300.000.000.000	100%	160.000.000.000	100%

Theo Nghị quyết số 2101/NQ/ĐHĐCĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã thông qua việc Công ty Chứng khoán Aizawa (hiện tại Công ty Tập đoàn Chứng khoán Aizawa) nắm giữ 100% cổ phần Công ty TNHH Chứng khoán Nhật Bản. Theo Quyết định số 382/QĐ-UBCK ngày 09 tháng 6 năm 2021 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chấp thuận cho Công ty được thực hiện chuyển đổi hình thức pháp lý từ Công ty Cổ phần sang Công ty TNHH Một thành viên. Ngày 10 tháng 8 năm 2021, Công ty TNHH Chứng khoán Nhật Bản được cấp lại Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty chứng khoán số 129/GP-UBCK. Giấy phép thành lập và hoạt động được điều chỉnh lần gần nhất số 108/GPĐC-UBCK ngày 03 tháng 12 năm 2021.

21. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD	14.682.956.700	-
Cộng	14.682.956.700	-

22. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSD CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	163.609.720.000	185.606.160.000
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	1.520.000.000	169.060.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	1.375.000.000	1.641.520.000
Cộng	166.504.720.000	187.416.740.000

23. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	523.390.000	496.190.000
Cộng	523.390.000	496.190.000

24. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VỀ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Số dư tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư tại ngày cuối năm và ngày đầu năm lần lượt là 2.945.000.000 VND và 7.442.500.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD	5.127.032.300	5.094.436.700
Cộng	5.127.032.300	5.094.436.700

26. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	8.315.354.983	6.736.918.441
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán	571.878.071	2.300.946.448
Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	5.621.195	5.342.926
Cộng	8.892.854.249	9.043.207.815

27. PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ VỀ TIỀN GỬI GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THEO PHƯƠNG THỨC CTCK QUẢN LÝ

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	8.692.746.954	8.356.341.224
Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	194.486.100	681.523.665
Cộng	8.887.233.054	9.037.864.889

CÔNG TY TNHH CHÚNG KHOÁN NHẬT BẢN

Tầng 14, Tòa nhà TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh,
Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội

MẪU SỐ B09 - CTCK

Ban hành kèm theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. CHÉNH LỆCH ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ kế toán	Giá trị trường hoặc giá trị hợp lý	Số dư chênh lệch đánh giá lại cuối năm		Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu năm		Chênh lệch tăng đánh giá lại ghi nhận vào doanh thu trong năm	Chênh lệch giảm đánh giá lại ghi nhận vào chi phí trong năm
				CL Tăng	CL Giảm	CL Tăng	CL Giảm		
A	B	C	D	E	F	G	H	I	K
I	FVTPL	30.000.000.000	31.453.386.116	1.453.386.116	-	-	-	1.453.386.116	-
I	Chứng chỉ quỹ BVBF	10.000.000.000	10.227.064.179	227.064.179	-	-	-	227.064.179	-
	VCBFTBF	10.000.000.000	10.814.154.240	814.154.240	-	-	-	814.154.240	-
	DCBF	10.000.000.000	10.412.167.697	412.167.697	-	-	-	412.167.697	-
	Tổng	30.000.000.000	31.453.386.116	1.453.386.116	-	-	-	1.453.386.116	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. CỔ TỨC, TIỀN LÃI PHÁT SINH TỪ FVTPL, CÁC KHOẢN CHO VAY, HTM, AFS

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Từ tài sản tài chính HTM (lãi phân bổ)	12.292.713.700	8.638.977.362
Từ các khoản cho vay (lãi cho vay)	135.999.911	38.437.197
Cộng	12.428.713.611	8.677.414.559

30. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí môi giới chứng khoán	18.099.323.407	13.849.736.790
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	66.659.272	74.235.646
Chi phí hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	947.373.092	690.970.758
Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	(34.280.273)	(4.772.600)
Cộng	19.079.075.498	14.610.170.594

31. DOANH THU TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái	-	1.103.829
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	134.446.643	107.158.574
Cộng	134.446.643	108.262.403

32. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	4.294.972.201	3.165.906.448
Chi phí vật tư văn phòng	19.636.584	114.015.565
Chi phí khấu hao TSCĐ	602.171.646	575.903.944
Chi phí thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.053.564.938	2.443.517.504
Chi phí khác	507.247.579	255.002.489
Cộng	7.480.592.948	6.557.345.950

33. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tiền thưởng doanh số nhận được (i)	7.659.300.665	3.154.675.790
Thu nhập khác	509.850.273	3.362.198
Cộng	8.169.150.938	3.158.037.988

Ghi chú:

(i) Công ty TNHH Chứng khoán Nhật Bản được nhận tiền thưởng từ hoạt động môi giới chứng khoán cho Công ty Tập đoàn Chứng khoán Aizawa và Công ty Chứng khoán Aizawa. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2021, Công ty đã ký biên bản chấm dứt thỏa thuận về việc chi thưởng cho dịch vụ môi giới chứng khoán với Công ty Tập đoàn Chứng khoán Aizawa, đồng thời ký bổ sung biên bản thỏa thuận về việc chi thưởng cho dịch vụ môi giới chứng khoán với Công ty Chứng khoán Aizawa với điều kiện thưởng và mức thưởng như sau:

- Theo thỏa thuận số 012021JSI-AIZAWAPREP ngày 30 tháng 9 năm 2021: Khi Công ty TNHH Chứng khoán Nhật Bản thực hiện nghiệp vụ môi giới khớp lệnh chứng khoán trên sàn cho Công ty Chứng khoán Aizawa đạt tổng giá trị khớp lệnh theo tháng trên tài khoản SCBFCC9385 của Aizawa từ 50 tỷ VND thì mức thưởng là 0,25% tổng giá trị giao dịch môi giới khớp lệnh tài khoản nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán đã thực hiện trước thuế	21.103.484.241	934.197.100
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(2.183.116.903)	(934.197.100)
Trừ: Chuyển lỗ	(2.416.444.245)	(934.197.100)
Trừ: Chi phí phải trả năm trước xuất hóa đơn năm nay	(83.229.304)	-
Cộng: Chi phí không được trừ	315.452.817	-
Cộng: Lãi chênh lệch tỷ giá năm trước	1.103.829	-
Thu nhập chịu thuế	18.920.367.338	-
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3.784.073.468	-

35. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thuế TNDN hoãn lại	290.677.223	-
Cộng	290.677.223	-

Công ty xác định chi phí thuế TNDN hoãn lại trên cơ sở giá trị tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ có sự khác biệt theo giá trị tính thuế và giá trị ghi sổ kế toán. Chi tiết xem Thuyết minh số 19.

36. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Thuê hoạt động bao gồm khoản thuê sau: Thuê văn phòng làm việc theo Hợp đồng số 15052018/HĐCTVP/TNL-JSI ngày 15 tháng 5 năm 2018 với Công ty Cổ phần Đầu tư và Cho thuê tài sản TNL, địa điểm thuê Unit 2,3,4,5 tầng 14, Tòa nhà TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội, thời gian thuê từ ngày 15 tháng 8 năm 2018 đến ngày 14 tháng 8 năm 2023. Chi phí thuê hoạt động đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong năm là 2.782.446.849 VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng 1 năm tới	2.782.446.849	2.823.770.315
Từ năm thứ hai đến năm thứ 5	1.722.830.104	5.037.206.531

37. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Chỉ tiêu	Hoạt động môi giới chứng khoán	Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	Hoạt động cho vay, đầu tư	Hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	Hoạt động lưu ký chứng khoán	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	23.547.532.753	1.453.386.116	12.563.160.254	3.328.132.938	58.652.702	40.950.864.763
Chi phí bộ phận trực tiếp	18.099.323.407	-	(30.806.873)	947.373.092	66.659.272	19.082.548.898
Chi phí không phân bổ						7.480.592.948
Kết quả hoạt động kinh doanh	5.448.209.346	1.453.386.116	12.593.967.127	2.380.759.846	(8.006.570)	14.387.722.917

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty chủ yếu diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

38. NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Công ty Tập đoàn Chứng khoán Aizawa		
Doanh thu môi giới chứng khoán	11.623.330.500	6.309.720.283
Doanh thu tư vấn	1.377.000.000	1.836.000.000
Thưởng doanh số môi giới	5.149.807.966	3.154.675.790
Nhận tiền góp vốn	-	140.000.000.000
Công ty Chứng khoán Aizawa		
Doanh thu môi giới chứng khoán	6.309.210.271	-
Doanh thu tư vấn	459.000.000	-
Thưởng doanh số môi giới	2.509.492.699	-

Sổ dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty Tập đoàn Chứng khoán Aizawa		
Phải thu phí và thuế giao dịch chứng khoán	-	67.881.718
Phải thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	-	168.300.000
Phải thu khác	-	890.653.558
Phải trả khác	-	140.000.000.000
Công ty Chứng khoán Aizawa		
Phải thu phí và thuế giao dịch chứng khoán	103.814.715	-
Phải thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	168.300.000	-
Phải thu khác	1.491.136.066	-
Phải trả khác	5.964.000	-
Phải trả ông Tsuyoshi Imai	40.593.511	115.900.000
Phải trả bà Nguyễn Thị Thu Trang	1.700.000	-
Phải trả ông Tomonori Tsuchiya	36.226.106	97.356.000

Các khoản lương, thưởng của Ban Giám đốc trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	2.278.138.908	1.302.615.602
Cộng	2.278.138.908	1.302.615.602

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

39. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của Chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của Chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	21.145.099.320	148.688.832.403
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	316.394.854.206	157.912.734.540
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0%	0%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.145.099.320	148.688.832.403
Tài sản tài chính FVTPL	31.453.386.116	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	245.000.000.000	133.000.000.000
Các khoản cho vay	2.823.799.373	1.498.749.079
Các khoản phải thu, phải thu khác	9.842.984.393	3.119.053.216
Các khoản ký quỹ	811.034.880	811.034.880
Tổng cộng	311.076.304.082	287.117.669.578
Công nợ tài chính		
Các khoản phải trả	431.633.586	140.573.072.165
Chi phí phải trả	299.040.527	98.455.658
Tổng cộng	730.674.113	140.671.527.823

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

39. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty. Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà Chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

39. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.145.099.320	-	21.145.099.320
Tài sản tài chính FVTPL	31.453.386.116	-	31.453.386.116
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	95.000.000.000	150.000.000.000	245.000.000.000
Các khoản cho vay	2.823.799.373	-	2.823.799.373
Các khoản phải thu, phải thu khác	9.842.984.393	-	9.842.984.393
Các khoản ký quỹ	10.000.000	801.034.880	811.034.880
Tổng cộng	160.275.269.202	150.801.034.880	311.076.304.082
Số cuối năm			
Các khoản phải trả	431.633.586	-	431.633.586
Chi phí phải trả	299.040.527	-	299.040.527
Tổng cộng	730.674.113	-	730.674.113
Chênh lệch thanh khoản thuần	159.544.595.089	150.801.034.880	310.345.629.969

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	148.688.832.403	-	148.688.832.403
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	40.000.000.000	93.000.000.000	133.000.000.000
Các khoản cho vay	1.498.749.079	-	1.498.749.079
Các khoản phải thu, phải thu khác	3.119.053.216	-	3.119.053.216
Các khoản ký quỹ	10.000.000	801.034.880	811.034.880
Tổng cộng	193.316.634.698	93.801.034.880	287.117.669.578
Số đầu năm			
Các khoản phải trả	140.573.072.165	-	140.573.072.165
Chi phí phải trả	98.455.658	-	98.455.658
Tổng cộng	140.671.527.823	-	140.671.527.823
Chênh lệch thanh khoản thuần	52.645.106.875	93.801.034.880	146.446.141.755

40. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán.


Hoàng Thị Thanh Huyền
Người lập biểu


Khổng Thị Hương
Kế toán trưởng


Tsuyoshi Imai
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2022

